**Tuần 11 Thứ hai ngày 16 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 52: um - up (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **um, up;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **um, up.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **um,** vần **up.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Bà và Hà.*
* Viết đúng các vần **um, up** và các tiếng **chum, búp** (bê) (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 1** | |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **A/DẠY BÀI MỚI**  **1/Giới thiệu bài:** vần **um,** vần **up.**  **2/Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)   * 1. Dạy vần **um**   - HS đọc từng chữ **u, m,** vần **um.**  **-** Phân tích vần **um.**  - Đánh vần: **u - mờ - um /**  **um.**  - HS nói: chum. / Phân tích tiếng **chum.**  - Đánh vần: **chờ - um - chum / chum.**  - Đánh vần, đọc trơn lại: **u - mờ - um / chờ - um - chum / chum.**   * 1. Dạy vần **up** (như vần **um)**   - Đánh vần, đọc trơn: **u - pờ - up / bờ - up - bup - sắc - búp / búp bê.**  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **um, up,** 2 tiếng mới học: **chum, búp.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  - HS nói |
| 1. **Luyện tập** | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS viết: **chum, búp** (bê). |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **um?** Tiếng nào có vần **up?)**   - HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ dưới hình: *chùm nho, cúp, tôm hùm,...*  - GV giải nghĩa: *cúp* (đồ mĩ nghệ, dùng làm giải thưởng trong thi đấu thế thao); *mũm mĩm* (béo và tròn trĩnh, trông thích mắt).  - HS tìm tiếng có vần **um,** vần **up,** nói kết quả.  - GV chỉ từng từ , Cả lớp: Tiếng **chùm** (nho) có vần **um.** Tiếng **cúp** có vần **up,...**  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **um** (chụm, cúm, khum, trùm, xúm,...); vần **up** (chụp, đúp, húp, núp,...).  3.2.**Tập viết** (bảng con - BT 4)  a) Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng: **um, up, chum, búp bê.**  b)Viết vần: **um, up**   * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn. Chú ý chiều cao các con chữ (2 li), nối nét giữa **u** và **m. /** Làm tương tự với van **up (p** cao 4 li). * HS viết: **um, up** (2 lần)  1. Viết: **chum, búp** (bê) (tương tự như b)  * GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ch** trước **(h** cao 5 li), vần **um** sau. * Viết chữ **b** (cao 5 li), van up sau, dấu sắc đặt trên u.   -GV cùng HS nhận xét |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu bài *Bà và Hà* kể về bạn Hà chăm chỉ giúp bà làm nhiều việc. 2. GV đọc mẫu. Sau đó, hỏi: *Bà nói: “Hà của bà ngộ quá! Em hiểu “ngộ quá ” là thế nào?* 3. Luyện đọc từ ngữ: 4. GV giải nghĩa: *tủm tỉm* (cười không mở miệng, chỉ cử động đôi môi một cách kín đáo). 5. Luyện đọc câu: GV: Bài có 6 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.  * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân / từng cặp). * HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **um:** *um tùm, tủm* (tỉm); **up:** *giúp, búp* (bê).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài. (Quy trình đã hướng dẫn),   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho cả lớp đọc. * HS làm bài trên VBT. /1 HS nói kết quả (GV giúp HS ghép từ ngữ trên bảng lớp). / Cả lớp đọc lại: a - 2) *Hà chăm chỉ giúp bà. /* b - 1) *Bà ngắm Hà, tủm tỉm.* * GV: *Những việc làm nào của Hà cho thấy Hà rất chăm chỉ?* * GV: Qua bài đọc, em thấy bạn Hà có đức tính gì đáng quý? | -HS lắng nghe  - Nom Hà rất hay, ngộ nghĩnh và đáng yêu.  - Hs luyện đọc **chăm chỉ, giúp, xếp đồ, um tùm, chữa mũ, búp bê, ngắm, chăm chú, tủm tỉm, ngộ quá**  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  **-** Hs thực hiện  - Hà giúp bà xếp đồ ở tủ, nhổ đám cỏ um tùm ở ngõ, giúp bà xâu kim.  - Hà chăm chỉ, ngoan ngoãn giúp bà làm nhiều việc trong nhà để bà đỡ vất vả). |
| **3/Củng cố, dặn dò:** GV dặn HS về nhà xem trước bài 53 (uôm). |  |

**Tuần 11 Thứ hai ngày 16 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 53: uôm (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết vần **uôm;** đánh vần, đọc đúng tiếng có vần **uôm.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôm.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Quạ và chó.*
* Viết đúng các vần **uôm** và các tiểng **buồm,** (quả) **muỗm** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 4 thẻ viết từ ngữ ở BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | |
| **A/KIỂM TRA BÀI CŨ**: 1 HS đọc lại bài *Bà và Hà* (bài 52); y/c HS trả lời câu hỏi: Em học được ở bạn Hà những đức tính gì? | | | - Hs trả bài cũ |
| **B/DẠY BÀI MỚI**   1. **Giới thiệu bài:** vần **uôm.** | | |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)   - HS nhận biết: **uô, m;** đọc: **uôm.**  - Phân tích vần **uôm**  - Đánh vần: **uô - mờ - uôm** */* **uôm.**  - HS nói: *buồm.* / Phân tích tiếng **buồm.** Đánh vần: bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm.  - Đánh vần, đọc trơn: uô - mờ - uôm / bờ - uôm - buôm - huyền - buồm / buồm.  \* Củng cố: HS nói vần mới học: **uôm,** tiếng mới học: **buồm.** | | | - HS đọc  - HS phân tích  - HS đánh vần  - HS nói, đánh vần  - HS đánh vần, đọc trơn  -HS nói |
| 1. **Luyện tập** | | |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôm?** Tiếng nào có vần **um?)**   - GV chỉ từng từ.  - Giải nghĩa: *quả muỗm* (quả giống xoài nhưng nhỏ hơn, có vị chua); *sum họp* (tụ họp ở một chỗ một cách vui vẻ); *um tùm* (cây cối rậm rạp, dày đặc - *cây cối um tùm* trái nghĩa với *thưa thớt), nhuộm* (làm cho màu thấm đều vào vải và được giữ lại).  - HS tìm tiếng có vần *uôm,* vần *um.* GV chỉ từng tiếng, cả lớp: Tiếng (quả) **muỗm** có vần **uôm...** Tiếng **sum** có vần **um,...**  - HS tìm tiếng ngoài bài có vần **uôm.**   * 1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)   - HS nhìn bảng đọc các vần, tiếng: *uôm, buồm, quả muôm.*  - 1 HS đọc, nói cách viết vần **uôm.**  HS viết bảng con vần: *uôm (2* lần).   * 1 HS đọc, nói cách viết chữ ghi tiếng: **buồm** (viết **b** trước - cao 5 li, vần **uôm** sau, dấu huyền đặt trên **ô) / muỗm** (viết **m** trước, vần **uôm** sau, dấu ngã đặt trên **ô).** * GV vừa viết vần **uôm** vừa hướng dẫn: viết **uô** trước, viết **m** sau; các con chữ đều cao 2 li. * HS viết ở bảng con * GV cùng HS nhận xét | | | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)  a) - GV chỉ hình minh hoạ, hỏi: Quan sát tranh, các em thấy gì?  **-** GV: Quạ đang ngậm trong mỏ một khổ (miếng) mỡ to. Nó nhìn xuống một chú chó dưới mỏm đá. Chó nhìn quạ. Không rõ chúng nói với nhau những gì. Các em hãy lắng nghe câu chuyện.   1. GV đọc mẫu. 2. Luyện đọc từ ngữ: **mỏm đá, ngậm khổ mỡ, nghĩ kế, cuỗm, giả vờ, mê li lắm, há to mỏ, bộp, nằm kề mõm chó, tợp.** 3. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có 9 câu. * GV chỉ từng câu, yêu cầu HS đọc vỡ. Chỉ liền 2 câu: “A, ca sĩ ... mê li lắm”. / —Quạ há to mỏ: Quà, quà...” * Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (vài lượt).   e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (5 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.  g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc. * HS làm bài trong VBT. 1 HS làm bài nối ghép trên bảng lớp, đọc kết quả. Cả lớp đọc: a - 2) *Quạ ngậm khổ mỡ ở mỏ.* b - 1) *Chó nghĩ kế để quạ há mỏ ra.* * GV: Chó và quạ, ai khôn, ai ngốc? | | - Quạ đen đang ngậm một miếng mồi. Dưới mỏm đá có một chú chó đang nhìn lên quạ.  - Hs luyện đọc  - HS đọc  - HS đọc nối tiếp câu  - Thi đọc  - HS lắng nghe  - HS làm vào vở BT  - Chó khôn, quạ ngốc. Chó ở dưới đất mà lấy được miếng mỡ từ mỏ quạ ở trên cao. Quạ ngốc, ưa nịnh đã mắc mưu chó). | |
| 4.**Củng cố, dặn dò**: GV dặn HS về nhà xem trước bài 54 (ươm, ươp). | | | |



**Tuần 11 Thứ ba ngày 17 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 52; 53)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CÂU:**

* Viết đúng **um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muỗm -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ viết các vần, tiếng cần luyện viết.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Luyện tậ**p 2. Cả lớp đọc: *um, up, uôm, chum, búp bê, buồm, quả muôm.* 3. Tập viết: *um, chum, up, búp bê.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh *(búp* bê). * HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  1. Tập viết: *uôm, buồm, quả muỗm* (như mục b). HS viết các vần, tiếng; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*   **3/Củng cố, dặn dò :**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở |
|  |  |

**Tuần 11 Thứ tư ngày 18 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

Bài 54: ươm – ươp ( 2 tiết)

1. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

* Nhận biết vần **ươm,** vàn **ươp;** đánh vần, đọc đủng tiếng có các vần **ươm, ưop.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ươm,** vần **ưop.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Ủ ấm cho bà.*
* Viết đúng các vần **ươm, ươp;** các tiếng **bươm bướm, quả mướp** (trên bảng con).

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** 2 bộ đồ chơi để 2 nhóm thi giúp thỏ chuyển cà rốt về kho.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**: 1 HS đọc bài *Quạ và chó* (bài 53); 1 HS trả lời câu hỏi: Chó đã nghĩ ra kế gì để lấy được miếng mỡ từ mỏ quạ? | - Hs trả bài cũ |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **ươm, ươp.** |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy vần **ươm**  * HS nhận biết: **ươ - mờ - ươm.** * Phân tích: vần **ươm** gồm âm **ươ** đứng trước, âm **m** đứng sau. * Đánh vần: **ươ - mờ - ươm / ươm.** * HS nói: *bươm bướm / bướm.* Phân tích tiếng **bướm.** * Đánh vần: bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bướm. * Đánh vần, đọc trơn: ươ - mờ - ươm / bờ - ươm - bươm / bờ - ươm - bươm - sắc - bướm / bươm bướm.   1. Dạy vần **ươp** (như vần **ươm)**   Đánh vần, đọc trơn: ươ - pờ - ươp / mờ - ươp - mươp - sắc - mướp / quả mướp.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ươm, ươp,** 2 tiếng mới học: **bướm, mướp.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng) * GV nêu YC: Giúp thỏ chuyển đúng cà rốt về kho vần **ươm,** kho vần **ươp.** * GV chỉ từng củ cà rốt, HS đọc: *lượm, cườm,...* Giải nghĩa: *cườm* (hạt nhỏ làm bằng thuỷ tinh, đá,... màu sắc đẹp, xâu thành chuồi để làm đồ trang sức). * HS làm bài trong VBT (dùng bút nối từng củ cà rốt về kho). * GV gắn 2 bộ đồ chơi lên bảng lớp, mời 2 HS thi chuyển nhanh cà rốt về kho, nói kết quả. / (Có thể chiếu lên bảng nội dung BT, 1 HS nói kết quả, GV dùng kĩ thuật vi tính chuyển giúp từng củ cà rốt về kho). / Cả lớp nhắc lại: Tiếng **lượm** có vần **ươm...** Tiếng **ướp** có vần **ươp...**   **3.2. Tập .viết** (bảng con - BT 4)   1. Cả lớp nhìn bảng đọc các vần, tiếng vừa học: **ươm, ươp, bướm, mướp.** 2. Viết: **ươm, ươp**   **-** 1 HS đọc, nói cách viết vần **ươm. /** GV viết mẫu, hướng dẫn: Viết **ươ** trước, **m**  sau; các con chừ **ư, ơ, m** đều cao 2 li. / Làm tưong tự với vần **ươp.**   * HS viết bảng con: **ươm, ươp** (2 lần).   c) Viết: **bưóm, mướp** (như mục b)   * GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn. Chú ý: **bướm - b** cao 5 li, dấu sắc đặt trên **ơ / mướp - m** cao 2 li, **p** 4 li, dấu sắc đặt trên **ơ.** * HS viết bảng con: **bươm bướm,** (quả) **mưóp.** | -HS lắng nghe  -HS đọc  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | |
| **3.3.Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài *ủ ấm cho bà* nói về tình cảm bà cháu. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **gió mùa, tấm nệm, tướp, ôm bà ngủ, thì thầm, bếp lửa, đỏ đượm.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 6 câu. * GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu cuối. * Luyện đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu cuối) (cá nhân / từng cặp).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiếu bài đọc   * HS đọc từ ngữ ở mỗi vế câu. / HS làm bài trên VBT. * 1 HS đọc kết quả (GV dùng phấn / kĩ thuật vi tính nối các ý ưên bảng). / Cả lớp đọc: a - 2) *Mẹ mua cho bà tấm nệm ấm.* / b - 1) *Mi ôm bà ngủ để ủ ấm cho bà.* * GV: Theo em, khi được cháu ôm, ủ ấm, bà cảm thấy thế nào? (Bà cảm động vì cháu ngoan ngoãn, hiếu thảo, biết yêu thương bà). * GV: Em nghĩ gì về bạn Mi? (Bạn Mi rất yêu thương bà. / Mi rất ngoan, giàu tình cảm. / Mi rất ngoan ngoãn, hiếu thảo, nghĩ ra sáng kiến ủ ấm cho bà). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS trả lời |
| 1. Củng cố, dặn dò   - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |

**Tuần 11 Thứ năm ngày 19 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

Bài 55: an - at (2 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết van **an, at;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **an, at.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **an,** vần **at.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Giàn mướp.*
* Viết đilng các vần **an, at;** các tiếng **bàn,** (nhà) **hát** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **Tiết 1** | | |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS đọc lại bài *Ủ ẩm cho bà* (bài 54). | |  |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **an, at.** | |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy vần **an**  * HS đọc: **a, n,** vần **an.** * Phân tích vần **an.** * Đánh vần: **a - nờ - an / an.** * HS nói: *bàn.* * Phân tích tiếng **bàn. /** * Đánh vần: bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn. * Đánh vần, đọc trơn: a - nờ - an / bờ - an - ban - huyền - bàn / bàn.   1. Dạy van **at** (như vần **an)**   Đánh vần, đọc trơn: a - tờ - at / hờ - at - hat - sắc - hát / nhà hát.  \* Củng cổ: HS nói 2 vần mới học: **an, at,** 2 tiếng mới học: **bàn, hát.** | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| 1. **Luyện tập** | |  |
| 3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần an? Tiếng nào có vần at?)  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc tên từng sự vật: nhãn, thợ hàn, bát, hạt đỗ,...  - HS làm bài nhóm đôi, tìm tiếng có vần an, vần at. / 2 HS cùng báo cáo kết quả.  - GV chỉ từng chữ, cả lớp: Tiếng nhãn có vần an... Tiếng bát có vần at,...  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần an (bán, đan, sàn, trán,...); vần at (cát, mát, ngát, nhạt,...).  3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)  a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: an, at, bàn, nhà hát.  b) Tập viết vần an, at  - 1 HS đọc, nói cách viết vần an, at.  - GV viết mẫu từng vần, hướng dẫn: vần an: viết a nối sang n, độ cao các chữ đều 2  li. / Vần at: viết a nối sang t, chữ t cao 3 li.  - HS viết bảng con: an, at (2 - 3 lần).  c) Tập viết: bàn, (nhà) hát (như mục b). Chú ý: bàn - chữ b cao 5 li, dấu huyền đặt trên a / hát - chữ h cao 5 li, t cao 3 li, dấu sắc đặt trên a.  - HS viết bảng con: bàn, (nhà) hát.  -GV cùng Hs nhận xét | | .  -HS đọc  -HS làm bài, báo cáo kết quả  -HS lắng nghe  -HS tìm, nêu kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu bài Tập đọc viết về giàn mướp nhà bạn Hà. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **giàn mướp, thơm ngát, lắm hôm, đếm nụ, khe khẽ hát, tụ họp, sớm ra quả.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có 4 câu. GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). * Đọc tiếp nối từng câu (vài lần). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở các câu: *Giàn mướp nhà Hà /vừa ra nụ đã thơm ngát. // Có lẽ nhờ thế /mà mùa hè năm đó, /giàn mướp sớm ra quả.*  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mồi đoạn 2 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; cả lớp đọc từng ý. * HS làm bài trong VBT, đánh dấu V vào ô trống xác định ý đúng, ý sai. * 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS đánh dấu xác định ý đúng / sai trên bảng lớp, chốt đáp án. Cả lớp đọc: Ý a *(Giàn mướp thơm ngát) -* Đúng. / Ý b *(Hà khẽ hát cho giàn mướp nghe) -* Đúng. / Ý c *(Năm đó, giàn mướp chậm ra quả) -* Sai.   \* HS đọc lại 2 trang bài 55, đọc cả 7 vần vừa học trong tuần (chân trang 102). | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc |
| 1. Củng cố, dặn dò   - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |  |

**Tuần 11 Thứ năm ngày 19 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT** **( sau bài 53; 54)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

Viết đúng **ươm, ươp, an, at, bươm bướm, quả mướp, bàn, nhà hát -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ có dòng ô li viết vần, tiếng cần viết.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1.1. Giới thiệu bài: GV nêu MĐYC của bài học.  2. Luyện tập  a) Cả lớp đọc: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp, an, bàn, at, nhà hát.  b) Tập viết: ươm, bươm bướm, ươp, quả mướp.  - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu vừa nhắc lại cách viết. Chú ý độ cao các con chữ, cách noi nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh (bướm, mướp).  - HS viết trong vở Luyện viết 1, tập một.  c) Tập viết: un, bàn, at, nhà hát (như mục b). HS hoàn thành phần Luyện tập thêm.  -GV cùng Hs nhận xét | - HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở |
| **3/Củng cố, dặn dò :**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành |  |

**Tuần 11 Thứ sáu ngày 20 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**KỂ CHUYỆN: SÓI VÀ SÓC**

(1 tiết)

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nghe hiểu câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
* Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khen ngợi sóc trong lúc nguy hiểm vẫn biết cách thoát khỏi nanh vuốt của sói. Câu chuyện nói một điều: Lòng tốt làm con người vui vẻ; sự độc ác không mang lại hạnh phúc, niềm vui.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Máy chiếu hoặc tranh minh hoạ truyện phóng to.
* Có thể chuẩn bị mũ giấy hình sóc hoặc sói để 3 HS (vai sóc, sói, người dẫn chuyện) kể chuyện phân vai (YC không bắt buộc).

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:**   GV chỉ 2 tranh minh hoạ truyện *Vịt và sơn ca* (bài 50), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 3, 4, 5. | | -HS trả lời câu hỏi theo tranh |
| **B.DẠY BÀI MỚI**   1. **Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)    1. **Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện *Sói và sóc.* Các em hãy xem tranh, đoán xem sói và sóc đang làm gì?    2. **Giới thiệu câu chuyện:** Một chú sóc đang chuyền cành thì sẩy chân rơi trúng đầu con sói đang nằm dưới gốc cây. Việc gì sẽ xảy ra sau đó, câu chuyện diễn biến thế nào, các em hãy lắng nghe. | | -HS lắng nghe  -Sói bắt sóc. / Sóc thoát khỏi sói  -HS lắng nghe |
| 1. **Khám phá và luyện tập**   **2.1. Nghe kể chuyện: GV** kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm. | | |
| **Sói và sóc**   1. Một chú sóc đang chuyền trên cành cây bỗng rơi trúng đầu một lão sói đang ngái ngủ. 2. Sói chồm dậy, định chén thịt sóc. Sóc van nài:   **-** Xin hãy thả tôi ra.   1. Sói nói:  * Được, ta sẽ thả. Nhưng ngươi hãy nói cho ta biết: Vì sao bọn sóc các ngươi lúc nào cũng nhảy nhót vui vẻ, còn ta, lúc nào cũng thấy buồn chán?   Sóc đáp:   * Cứ thả tôi ra đã, rồi tôi sẽ nói.  1. Sói thả sóc ra. Sóc nhảy tót lên cây cao rồi nói vọng xuống:  * Anh buồn vì anh độc ác. Sự độc ác thiêu đốt tim gan anh. Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi tốt bụng, không làm điều ác cho ai cả.   Theo LÉP TÔN-XTÔI (Hoàng Nguyễn kể) | | |
| 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh** 2. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Điều gì xảy ra khi sóc đang chuyền trên cành cây?* * GV chỉ tranh 2: * *Sói định làm gì sóc? Sóc van nài thế nào?* * GV chỉ tranh 3: *Sói hỏi sóc điều gì? Sóc nói gì?* * GV chỉ tranh 4: *Ở trên cây, sóc trả lời sói thế nào?*  1. Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi của GV theo 2 tranh. 2. 1 HS trả lời tất cả các câu hỏi theo 4 tranh. 3. **Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi) 4. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. 5. 1 - 2 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.   \* **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**   * GV: Em nhận xét gì về sóc?      * GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì? | * Sóc đang chuyền trên cành cây bồng sẩy chân, rơi trúng đầu lão sói đang nằm dưới gốc cây, ngái ngủ. * Sói định ăn thịt sóc. Sóc van nài xin thả nó ra. * Sói hỏi: Vì sao bọn sóc các ngươi lúc nào cũng nhảy nhót vui vẻ, còn ta, lúc nào cũng thấy buồn chán? Sóc đáp: Cứ thả tôi ra đã, rồi tôi sẽ nói.   - Sóc nói: Anh buồn vì anh độc ác. Sự độc ác thiêu đốt tim gan anh. Còn chúng tôi lúc nào cũng vui vì chúng tôi tốt bụng, không làm điều ác cho ai cả.  -HS theo tranh trả lời câu hỏi  - Hs kể theo tranh  - Sóc rất thông minh, gặp tình huống nguy hiểm vẫn biết cách thoát thận. / Sóc tốt bụng, đáng yêu. / Sóc tốt bụng nên luôn vui vẻ.  - Lòng tốt làm con người vui vẻ, hạnh phúc. Sự độc ác không mang lại niềm vui, hạnh phúc. | |
| **3. Củng cố, dặn dò**  - GV biểu dương những HS kể chuyện hay. Dặn HS về nhà kể lại cho người thân câu chuyện về chú sóc thông minh.  - Nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC Sư tử và chuột nhắt. (Báo cho 3 HS giỏi được  chọn kể phân vai câu chuyện Sư tử và chuột nhắt để các em có sự chuẩn bị). | | |

**Tuần 11 Thứ sáu ngày 20 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 57: ÔN TẬP ( 1 tiết)**

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Tám cổ kẻ trộm.*
* Tìm đúng từ ngữ thích hợp với chỗ trống; chép đúng 1 câu văn.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / Giấy khổ to viết nội dung BT 2.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1/Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| **2/Luyện tập** |  |
| **2.1. Tập đọc** (BT 1)  a/GV chỉ tranh, giới thiệu bài *Tóm cổ kẻ trộm* kể về chiến công của thám tử gà cồ đã bắt được quạ - kẻ trộm gà.  b/GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: *gà mơ* (gà mái, lông có những chấm trắng); *than* (than thở, phàn nàn, kêu ca); *thám tử* (người làm việc điều tra, do thám).  c/Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp); **kẻ trộm, ghé xóm gà, ngờ ngợ, la om sòm, cuỗm, thám tử gà cồ, tóm cổ, ồ ra.**  d/Luyện đọc câu   * GV: Bài đọc gồm 9 câu. / GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). Chỉ liền 2 câu: *Sớm ra, gà tía... Có trộm!* * Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).   e/Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn); thi đọc cả bài.  g/ Tìm hiểu bài đọc  -Xác định YC: *Nhắc lại tên các con vật...*  -Từng cặp HS nhìn hình trong SGK, nói tên các con vật. /1 HS nói kết quả.  -Cả lớp nhắc lại: 1) M: gà cồ, 2) quạ, 3) gà tía, 4) gà nhép, 5) gà mơ.   1. **BT 2** (Tìm từ ngữ hợp với chỗ trống rồi chép lại câu b) 2. Tìm từ ngữ để hoàn thành câu  * Xác định YC. * HS làm bài miệng : GV gắn lên bảng phiếu ghi câu văn. /1 HS nói kết quả. * Cả lớp đọc lại: a) Quạ kiếm cớ la cà để *cuỗm/tha* gà nhép, b) Thám tử gà cồ *tóm cổ* quạ. / Cả lớp sửa bài (nếu sai).  1. Tập chép câu b *(Thám tử gà cồ tóm cổ quạ).*  * GV viết mẫu trên bảng câu văn. * Cả lớp đọc câu văn, chú ý các từ dễ viết sai *(thám tử, tóm).* * HS nhìn mẫu trên bảng , chép lại câu văn. * HS viết xong, tự soát lồi; đổi bài cho bạn để cùng sửa lỗi.   GV chữa bài cho HS, nhận xét chung | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS nói tên các con vật  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS nêu miệng  -HS đọc  -HS theo dõi  -HS đọc  -HS tập chép  -HS soát lỗi |
| **3.củng cố,dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |

**Tuần 12 Thứ hai ngày 23 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 58: ăn – ăt ( 2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ăn, ăt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăn, ăt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăn,** vần **ăt.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Ở nhà Hà* (biết điền, đọc thông tin trong bảng).
* Viết đúng các vần **ăn, ăt;** các tiếng **chăn, mắt** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / phiếu ghi nội dung BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | |
| **A. KIỂM TRA BÀI CŨ**:  2 HS đọc bài *Tóm cổ kẻ trộm (bài* 57). 1 HS trả lời câu hỏi: Ai có công tóm cổ tên quạ kẻ trộm? | |  | |
| **B. DẠY BÀI MỚI**  **1. Giới thiệu bài:** vần **ăn,** vần **ăt.** | |  | |
| **2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  **2.1.** Dạy vần **ăn**  - HS nhận biết: **ă - nờ - ăn.**  - Cả lớp đọc: **ăn.**  **-** Phân tích vần **ăn.**  - Đánh vần và đọc: **ă - nờ - ăn / ăn.**  - HS nói: *chăn.*  - Phân tích tiếng **chăn.**  **-** Đánh vần, đọc: chờ - ăn - chăn / chăn.  - Đánh vần, đọc trơn: ă - nờ - ăn / chờ - ăn - chăn / chăn.  **2.2.** Dạy vần **ăt** (như vần **ăn)**  Đánh vần, đọc trơn: ă - tờ - ăt / mờ - ăt - măt - sắc - mắt / mắt.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ăn, ăt,** 2 tiếng mới học: **chăn, mắt.** | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói | |
| **3. Luyện tập.** | |  | |
| 3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tiếng nào có vần ăn? Tiếng nào có vần ăt?)  - HS đọc từng từ ngữ: chim cắt, củ sắn,... GV giải nghĩa: chim cắt (loài chim ăn thịt, nhỏ hơn diều hâu, cánh dài, nhọn, bay rất nhanh, có câu: Nhanh như cắt).  - HS tìm tiếng có vần ăn, vần ăt; báo cáo. GV chỉ từng từ, cả lớp đọc nhỏ: Tiếng (chim) cắt có vần ăt. Tiếng (củ) sắn có vần ăn...  - HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần ăn (cắn, nhắn, nặn, răn); có vần ăt (hắt, ngắt, sắt, tắt,...).  3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)  a) HS đọc trên bảng những vần, tiếng vừa học: ăn, chăn, ăt, mắt.  b) GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:  -Vần ăn: viết ă trước, n sau. vần ăt: viết ă trước, t sau. Các con chữ ă, n đều cao 2  li. Chú ý nối nét giữa ă và n, ă và t.  - chăn: viết ch trước, ăn sau.  - mắt: viết m trước, ăt sau, dấu sắc đặt trên ă. c) HS viết: ăn, ăt (2 lần). / Viết: chăn, mắt. | | .  -HS đọc  -HS làm bài, báo cáo kết quả  -HS tìm, nêu kết quả  - HS đọc  - HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | | |
| **4. Tập đọc** (BT 3)  a) Luyện đọc  - GV giới thiệu bài *Ở nhà Hà* nói về gia đình Hà. GV chỉ tranh, hỏi: Nhà Hà có những ai? (Có bà, ba, má, Hà, bé Lê). Mồi người trong nhà Hà đều có công việc trong ngày. Lịch làm việc buổi sáng của mỗi người thế nào, các em hãy nghe.  - GV đọc mẫu - đọc rõ ràng, rành rẽ việc làm của từng người.  - Luyện đọc từ ngữ: **giúp má, sắp cơm, cho gà ăn, rửa mặt, dắt xe đi làm.**  - Luyện đọc câu  - GV: Bài đọc có 9 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  - Thi đọc tiếp nối 3 đoạn (2/3/4 câu); thi đọc cả bài.  b) Tìm hiểu bài đọc  - Xác định YC: Dựa vào bài đọc, điền (miệng) thông tin vào những chỗ trống có dấu (...) để hoàn chỉnh bảng kể công việc của từng người trong nhà Hà.  - GV chỉ từng từ ngữ (theo chiều ngang, từ trái qua phải), HS đọc: 6 giờ / 7 giờ // **Má /** sắp cơm / dắt xe đi làm. // **Hà /** giúp má... / ra lớp // **Ba /...**  - GV chỉ từng từ ngữ (cả cột dọc và ngang), mời 1 HS làm với **mẫu:** công việc của má: *Má / 6 giờ - sắp cơm* / 7 *giờ — dắt xe đi làm.* / Cả lớp nhắc lại.  - 1 HS báo cáo kết quả. GV giúp HS điền nhanh thông tin vào bảng.  - Cả lớp chốt lại thông tin đúng, đọc nhỏ bảng kết quả: | | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc  -HS báo cáo kết quả |
| **4/Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | | | |

**Tuần 12 Thứ hai ngày 23 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 59: ân – ât (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết vần **ân, ât;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ân, ât.**
* Nhìn chữ, hoàn thành trò chơi: sút bóng vào khung thành có vần **ân,** vần **ât.**
* Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Chủ nhật.*
* Viết đúng các vần **ân, ât,** các tiếng **cân, vật** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Máy chiếu để chiếu lên bảng lớp hình ảnh của BT 2 hoặc 1 bộ hình khung thành và các thẻ tròn hình quả bóng.
* 5 thẻ chữ ghi nội dung BT đọc hiểu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | |
| **A. KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS đọc bài *Ở nhà Hà* (bài 58). | | |  |
| **B. DẠY BÀI MỚI**  **1. Giới thiệu bài:** vần **ân,** vần **ât.** | | |  |
| **2. Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  2.1. Dạy vần **ân**  - HS nhận biết: **â, n;** đọc: **â - nờ - ân.**  - Phân tích vần **ân.**  **-** Đánh vần và đọc: **â - nờ- ân / ân.**  - HS nói: *cân.*  - Phân tích tiếng cân.  - Đánh vần, đọc: cờ - ân - cân / cân.  - Đánh vần, đọc trơn: â - nờ - ân / cờ - ân - cân / cân.  2.2. Dạy vần **ât** (như vần **ân)**  Đánh vần, đọc trơn: â - tờ - ât / vờ - ât - vât - nặng - vật / vật.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ân, ât,** 2 tiếng mới học: **cân, vật.** | | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| **3. Luyện tập** | | |  |
| **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Sút bóng vào hai khung thành cho trúng)  - GV đưa lên bảng hình khung thành và các quả bóng. HS đọc từng vần, từng từ trên quả bóng: *ân, ât /đất, sân, lật đật,...*  - GV giải thích cách chơi: Mỗi cầu thủ phải sút 7 trái bóng vào đúng khung thành: bóng có vần **ân,** sút vào khung thành vần **ân;** bóng có vần **ât,** sút vào khung vần **ât.** Ai sút nhanh, trúng là thắng cuộc.  - 1 cầu thủ làm mẫu: sút (dùng bút) nhanh bóng vào khung thành.  - HS làm bài vào VBT. / 1 cầu thủ báo cáo kết quả (GV dùng phấn dẫn bóng vào khung thành / hoặc dùng kĩ thuật vi tính cho bay từng quả bóng vào khung thành): Sút trái bóng **đất** vào khung vần **ât.** Sút trái bóng **sân** vào khung vần **ân.** Sút bóng **lật đật** vàokhung vần **ât,...**  - GV chỉ từng quả bóng, cả lớp đọc nhỏ: Tiếng **đất** có vần **ât.** Tiếng **sân** có vần **ân,...**  **3.2**. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  - HS đọc trên bảng những vần, tiếng vừa học: **ân, cân, ât, vật.**  a) GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn:  - Vần **ân:** viết **â** trước, **n** sau. Các con chữ đều cao 2 li. vần **ât:** viết **â** trước, **t** sau **(t** cao 3 li). Chú ý nối nét giữa **â** và **n, â** và **t.**  **- cân:** viết **c,** rồi đến **ân.**  **- vật:** viết **v,** rồi đến **ât,** dấu nặng đặt dưới **â.**  b) HS viết: **ân, ât** (2 lần). Sau đó viết: **cân, vật.**  -GV cùng HS nhận xét | | | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS tìm, nêu kết quả  -HS làm bài, báo cáo kết quả  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc *Chủ nhật* kể về một ngày chủ nhật ở gia đình bạn Bi, những việc mồi người trong gia đình Bi làm vào ngày hôm đó. 2. GV đọc mẫu. Sau đó, hỏi: Gia đình Bi có những ai? (Gia đình Bi có bố, mẹ, Bi và bé Li). GV: Chủ nhật, mỗi người trong gia đình Bi làm một việc. Cảnh gia đình Bi thật là hạnh phúc. 3. Luyện đọc từ ngữ: **chủ nhật, phở bò, giặt giũ, rửa mặt, phụ, rửa bát, gật gù.** GV giải nghĩa từ: *phụ* (giúp đỡ). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu). * GV chỉ từng câu (chỉ liền 2 câu cuối bài) cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (quy trình như những bài trước). Có thể chia bài làm 3 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).   g) Tìm hiểu bài đọc   * Xác định YC: Ghép đúng các từ ngữ nói đúng về công việc ngày chủ nhật của Bi, bé Li. / GV chỉ từng ý, cả lớp đọc. / HS làm bài vào VBT. * 1 HS báo cáo kết quả. GV ghép các thẻ từ trên bảng lớp. / Cả lớp đọc: a - 2) *Bỉ cho gà ăn, phụ bố rửa bát.* b - 1) *Bé Li rửa mặt, rửa chân cho búp bê.* * GV: Bài đọc cho em biết gì về gia đình bạn Bi? | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS đọc, thực hiện làm bài trong vở BT  -HS báo cáo kết quả  -Ngày chủ nhật, gia đình Bi mỗi người một việc. / Gia đình Bi sống rất vui vẻ, hạnh phúc | |
| 1. **Củng cố, dặn dò**   - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | | | |

**Tuần 12 Thứ ba ngày 24 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 58; 59)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

**-** Viết đúng **ăn, ăt, ân, ât, chăn, mắt, cân, vật -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ / giấy khổ to viết các vần, tiếng cần viết.

**II CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Luyện tập** 2. Cả lớp nhìn bảng, đọc: *ăn, chăn, ãt, mắt, ân, cân, ât, vật.* 3. Tập viết: *ăn, chăn, ăt, mắt.*  * 1 HS đọc; nói cách viết, độ cao, khoảng cách hoặc nối nét giữa các con chữ. * GV vừa viết từng chữ ghi vần, tiếng, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét, để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh *(mắt).* * HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một: *ăn, chăn, ăt, mắt.*  1. Tập viết: *ân, cân, ât, vật* (như mục | -HS đọc  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở |
| **3/Củng cố, dặn dò :**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | |

**Tuần 12 Thứ ba ngày 24 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 60: en – et** (2 tiết)

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết vần **en, et;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **en, et.**
* Làm đúng trò chơi xếp trứng vào hai rổ vần **en,** vần **et.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Phố Lò Rèn.*
* Viết đúng các vần **en, et;** các tiếng **xe ben, vẹt** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Máy chiếu.
* Thẻ để HS viết phương án lựa chọn (a hay b) (BT đọc hiểu).

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | |
| 1. KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS đọc bài Tập đọc *Chủ nhật* (bài 59). | |  | |
| 1. DẠY BÀI MỚI 2. **Giới thiệu bài:** vần **en,** vần **et.** | |  | |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy vần **en**  * HS nhận biết: **e, n;** đọc: **e - nờ - en.** * Phân tích vần **en.** * Đánh vần và đọc: **e - nờ - en / en.** * HS nói: *xe ben / ben.* (GV giải nghĩa: *Xe ben* là loại xe chuyên dùng để chở các loại vật liệu như cát, sỏi, than, đá,... Xe có 1 thùng riêng, có thể nâng lên, hạ dốc xuống để đổ vật liệu nhanh, dễ dàng). * Phân tích tiếng **ben.** * Đánh vần và đọc: bờ - en - ben / ben. * Đánh vần, đọc trơn: e - nờ - en / bờ - en - ben / xe ben.   1. Dạy vần **et** (như vần **en)**   Đánh vần, đọc trơn: e - tờ - et / vờ - et - vet - nặng - vẹt / vẹt.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **en, et,** 2 tiếng mới học: **ben, vẹt.** | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói | |
| 1. **Luyện tập** | |  | |
| **. Mở rộng vốn từ** (BT 2: xếp trứng vào hai rỗ cho đúng)   * GV chỉ từng vần (ở rổ), từng từ cho 1 HS đọc, cả lớp đọc: *en, et, đèn, khen,...* * GV nói cách chơi: Mỗi HS phải xếp nhanh 6 quả trứng từ vào rổ vần tương ứng: trứng có vần **en** xếp vào rổ vần **en;** trứng có vần **et** xếp vào rổ vần **et.** * HS làm bài trong VBT - dùng bút nối nhanh trứng vào từng rổ. * 1 HS nói kết quả: Trứng có tiếng **đèn** xếp vào rổ vần **en.** Trứng có tiếng **mẹt** xếp vào rổ vần **et...** (GV dùng bút nối trứng với rổ hoặc dùng kĩ thuật vi tính xếp nhẹ nhàng từng quả trứng vào rổ). / GV chỉ từng quả trứng từ, cả lớp nói nhỏ: Tiếng **đèn** có vần **en.** Tiếng **mẹt** có vần **et,...**  1. **Tập viết** (bảng con - BT 4) 2. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **en:** viết **e** trước, **n** sau. Các con chữ đều cao 2 li. vần **et:** viết **e** trước, **t** sau. Chữ **t** cao 3 li. Chú ý nối nét từ **e** sang **n, e** sang **t.** * (xe) **ben:** viết **b** (cao 5 li) rồi đến vần **en.** * **vẹt:** viết **v** trước, **et** sau, dấu nặng đặt dưới **e.**  1. HS viết: **en, et** (2 lần). Sau đó viết: (xe) **ben, vẹt.** | | -HS đọc  -HS làm vào vở Bài tập  -HS báo cáo kết quả  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | | |
| 1. **Tập đọc** (BT 3) 2. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu: Bài *Phố Lò Rèn* cho các em biết một vài đặc điểm của phố, của nghề rèn. 3. GV đọc mẫu, hỏi: Các em có biết người thợ rèn làm ra những gì không? (Thợ rèn làm ra dao, kiếm, liềm,...). Thợ rèn nung sắt trong lửa than đỏ rực cho sắt mềm ra rồi dùng búa đập mạnh, dát mỏng, làm ra lưỡi dao, lưỡi kiếm, liềm cắt cỏ, lưỡi cuốc, lưỡi cày, các dụng cụ lao động khác. Xưa, cả phố của Bi làm nghề rèn. Giờ chỉ còn năm ba nhà làm nghề rèn. 4. Luyện đọc từ ngữ: **lò rèn, dăm nhà, phố xá, san sát, đỏ lửa, chan chát, phì phò, khét lẹt.** GV giải nghĩa: *dăm (nhà),* số lượng không nhiều, không ít, khoảng trên dưới năm hoặc ba, bốn nhà. *(Nhà cửa) san sát:* rất nhiều nhà và liền nhau như không còn có khe hở. 5. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 7 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu. GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở câu: *Giữa phố xá nhà cửa san sát / mà lò rèn đỏ lửa như ở chợ quê.*  1. Thi đọc đoạn, bài. Chia bài làm 2 đoạn (mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn).   g) Tim hiểu bài đọc   * GV nêu YC, chỉ từng ý a, b cho HS đọc. * HS làm bài trong VBT hoặc viết ý đúng lên thẻ, giơ thẻ báo cáo kết quả. / GV chốt lại: Ý b đúng (Lò *rèn ở phố đỏ lửa như ở chợ quê).* Ý a *(Giờ thì cả phố làm nghề rèn)* là ý sai vì giờ chỉ còn dăm nhà giữ nghề rèn. * Cả lớp nhắc lại: Ý b đúng *(Lò rèn ở phố đỏ lửa như ở chợ quê).* * GV: Qua bài đọc, em biết gì về nghề rèn? (Nghề rèn có cả ở thành phố. / Nghề rèn giờ chỉ còn rất ít nhà làm. / Nghề rèn rất ồn ào vì búa đập chan chát, bễ thở phì phò. / Nghề rèn rất nóng bức vì lửa than đỏ rực, khét lẹt. / Nghề rèn rất thú vị.) | | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  - HS trả lời |
| **4.Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | | | |



**Tuần 12 Thứ tư ngày 25 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**BÀI 61: ên - êt**

(2 tiết)

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ên, êt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ên, êt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ên,** vần **êt.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *về quê ăn Tết.*
* Viết đúng các vần **ên, êt;** các tiếng **tên** (lửa), **tết** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / phiếu ghi nội dung BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:**   GV kiểm tra 2 HS đọc bài *Phố Lò Rèn* (bài 60). 1 HS trả lời câu hỏi: Qua bài đọc, em biết điều gì về nghề rèn? |  |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **ên,** vần **êt.** |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy vần **ên**  * HS đọc từng chữ **ê, n,** vần **ên.** * Phân tích vần **ên.** * Đánh vần và đọc: **ê - nờ - ên / ên.** * HS nêu từ ngữ: *tên lửa / tên.* * Phân tích tiếng **tên. /** * Đánh vần, đọc: tờ - ên - tên / tên. * Đánh vần, đọc trơn: ê - nờ - ên / tờ - ên - tên / tên lửa.   1. Dạy vần **êt** (như vần **ên);** * Đánh vần, đọc trơn: ê - tờ - êt / tờ - êt - têt - sắc - tết / tết. * \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ên, êt,** 2 tiếng mới học: **tên, tết.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nêu  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ên?** Tiếng nào có vần **êt?)** * (Như những bài trước) Xác định YC. / Nói tên sự vật, hành động. / Tìm tiếng có vần **ên, êt,** nói kết quả. / Cả lớp đồng thanh: Tiếng **nến** có vần **ên.** Tiếng **tết** có vần **êt;...** * HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **ên** (đến, hến, lên, nên, bên, trên...); có vần **êt** (mệt, bết, hết, hệt, nết, vết,...).   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ên:** viết **ê** trước, **n** sau. vần **êt: ê** viết trước, **t** (cao 3 li) viết sau. * **tên:** viết **t** rồi đến vần **ên. / tết:** viết **t** rồi đến vần **êt,** dấu sắc đặt trên **ê.** (Chú ý nối nét từ **t** sang **ê, ê** sang **n/t)**  1. HS viết: **ên, êt** (2 lần). Sau đó viết: **tên** (lửa), **tết.** | - HS thực hiện  - HS tìm  - Lắng nghe, quan sát  - HS viết bảng |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu bài *Về quê ăn Tết.* cảnh gia đình Bi bên bàn thờ đêm 30 Tết. 2. GV đọc mẫu. Nói thêm: Ngày Tết là ngày đoàn tụ của các gia đình. Gia đình Bi ở thành phố, ngày Tết cả nhà về quê ăn Tết với bà. Bên bàn thờ, bà “chấm chấm khăn lên mắt”: bà rơi nước mắt vì vui khi con cháu trở về sum họp. 3. Luyện đọc từ ngữ: **ăn Tết, về bến, phàn nàn, chậm như sên, làm lễ, bàn thờ, lầm rầm khấn, chấm chấm khăn, sum họp.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có mấy câu? (8 câu). / GV chỉ chậm từng câu cho HS đọc vỡ. Có thể đọc liền 2 câu: *Mẹ phàn nàn: “Chậm như sên ”* * Đọc tiếp nối từng câu. GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu: *Cả năm / bà đã chờ nhà Bivề sum họp / bên mâm cơm Tết.*  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: mỗi đoạn 4 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC: Nói tiếp (theo nội dung bài đọc) để hoàn chỉnh câu. * Một vài HS nói tiếp câu. / Cả lớp nhắc lại: a) *Nhà Bi về quê* **ăn Tết.** b) *Đêm 30, cả nhà Bi* **làm lễ bên bàn thờ.** * Qua bài đọc, em biết điều gì? (Gia đình Bi rất yêu quý bà, về quê ăn Tết với bà cho bà vui. / Bà Bi rất cảm động vì con cháu trở về cùng bà đón năm mới. / Ngày Tết là ngày gia đình sum họp...). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS trả lời |
| **4.Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau |  |

**Tuần 12 Thứ năm ngày 26 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 60; 61)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

* Viết đúng **en, et, ên, êt, xe ben, vẹt, tên lửa, tết -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ (có dòng ô li) viết vần, tiếng cần luyện.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Luyện tập** 2. Cả lớp đọc: *en, xe ben, et, vẹt, ên, tên lửa, êt, tết.* 3. Tập viết: *en, xe ben, et, vẹt.*  * 1 HS đọc; nói cách viết các vần *en, et.* * GV vừa viết mầu vừa hướng dẫn. Nhắc HS chú ý độ cao các con chữ (vần *en:* các con chữ cao 2 li, vần *et:* chữ *t* cao 3 li); cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh *(vẹt).* * HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một: *en, xe ben, et, vẹt.*  1. Tập viết: *ên, tên lửa, êt, tết* (như mục b). | -HS đọc  - HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở |
| **3/Củng cố, dặn dò :**  – Gv tuyên dương, khen thưởng những học sinh viết nhanh, viết đúng, viết đẹp.  - Nhắc nhở, động viên những học sinh chưa viết xong tiếp tục hoàn thành | -HS lắng nghe |



**Tuần 12 Thứ sáu ngày 27 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**KỂ CHUYỆN****: SƯ TỬ VÀ CHUỘT NHẮT**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Mỗi người đều có điểm mạnh riêng; không nên coi thường người khác.

1. **ĐÒ DÙNG DẠY HỌC**

* Tranh minh hoạ truyện kể trong SGK (phóng to).
* Một mũ giấy hình chuột, 1 mũ giấy hình sư tử để HS kể chuyện phân vai.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| A. **KIỂM TRA BÀI CŨ:**  GV chỉ tranh 1, 2 minh hoạ truyện *Sói và sóc* (bài 56), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời; HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 3, 4; HS 3 trả lời câu hỏi: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? | | - Hs trả bài cũ |
| **B. DẠY BÀI MỚI**   1. **Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)    1. **Quan sát và phỏng đoán:** GV đưa lên bảng 6 tranh minh hoạ, giới thiệu: Đây là các tranh minh hoạ chuyện *Sư tử và chuột nhắt,* giải nghĩa từ *chuột nhắt* (loài chuột rất nhỏ). Các em hãy xem tranh (1 phút), đoán xem chuyện gì đã xảy ra giữa sư tử và chuột nhắt.    2. **Giới thiệu câu chuyện:** Đây là một câu chuyện thú vị, giúp các em hiểu một điều rất quan trọng trong cuộc sống. Điều đó là gì, các em hãy lắng nghe. | | HS: Sư tử bắt được chuột nhắt. Sư tử bị sa lưới, chuột đến cắn lưới. Tranh cuối: Sư tử cúi đầu trước chuột |
| 1. **Khám phá và luyện tập**   **2.1. Nghe kể chuyện:** GV kế chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm. Đoạn 1: giọng kể hồi hộp khi sư tử tóm được chuột nhắt. Đoạn 2 (chuột xin tha mạng): lời chuột van xin tha thiết mà khôn ngoan. Đoạn 3 (chuột hứa sẽ trả ơn): lời hứa hẹn chân thành. Đoạn 4 (sư tử phì cười khi nghe chuột hứa sẽ đền ơn): giọng kể vui. Đoạn 5: thất vọng khi sư tử bất lực, không thoát khỏi cái bẫy; vui khi chuột nhắt giải cứu sư tử. Đoạn 6: lời chuột khôn ngoan, từ tốn.  **Sư tử và chuột nhắt**   1. Một hôm, sư tử đi kiếm mồi. Bất chợt, một chú chuột nhắt chạy ngang qua. Sư tử liền tóm lấy chuột. 2. Sư tử há miệng định nuốt chửng chuột. Chuột kêu:  * Xin ông tha cho. Tôi bé tí tẹo thế này, ông ăn chẳng bõ dính răng.   Sư tử thương tình bèn thả chuột nhắt.   1. Chuột nhắt nói:  * Cảm ơn ông. Có ngày tôi sẽ giúp ông để đền ơn.  1. Sư tử nghe vậy, phì cười:  * Mi bé tí tẹo thế thì giúp gì được ta?  1. Ít lâu sau, sư tử bị sa lưới thợ săn. Nó vùng vẫy mãi mà không sao thoát được, đành nằm chờ chết. May sao, chuột nhắt đi qua trông thấy, chạy về gọi cả nhà ra, cắn một lúc đứt hết các mắt lưới. Thế là sư tử thoát nạn. 2. Sư tử cảm ơn chuột. Chuột nhắt bảo:  * Ông thấy chưa? Bé nhỏ như tôi cũng có lúc giúp được ông đấy.   Theo *Ngụ ngôn Ê-dôp* (Minh Hoà kể) | | |
| 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh** 2. Mồi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Sư tử đi kiếm mồi, tóm được con vật gì?* * GV chỉ tranh 2: *Khi sư tử định ăn thịt chuột nhắt, chuột nói gì?* dính răng”. * GV chỉ tranh 3: *Khi được sư tử tha, chuột nhắt hứa hẹn thế nào?* * GV chỉ tranh 4: *Nghe chuột nhắt hứa hẹn, sư tử phì cười và nói gì?* * GV chỉ tranh 5: *Khỉ sư tử bị sa lưới, chuột nhắt làm gì đế cứu sư tử?* * GV chỉ tranh 6: *Chuột nhắt nói gì khi sư tử cảm ơn nó?* * Sau mỗi lần 1 HS trả lời, GV có thể mời thêm 1, 2 HS nhắc lại.  1. Mỗi HS trả lời liền các câu hỏi theo 2 hoặc 3 tranh. 2. 1 HS trả lời liền các câu hỏi theo 6 tranh. 3. **Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi) 4. Mỗi HS nhìn 2-3 tranh, tự kể chuyện. 5. 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh. 6. **Tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyện**  * GV: Câu chuyện giúp em hiểu ra điều gì? * GV: Mỗi người đều có điểm mạnh riêng. Không nên coi thường người khác. * Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu lời khuyên của câu chuyện. | - Sư tử đi kiếm mồi, tóm được chuột nhắt.  - Khi sư tử định ăn thịt chuột nhắt, chuột nhắt nói: “Xin ông tha cho. Tôi bé tí tẹo thế này, ông ăn chẳng bõ.  - Chuột nhắt nói: “Cảm ơn ông. Có ngày tôi sẽ giúp ông để đền ơn”.  - Sư tử nói: “Mi bé tí tẹo thế thì giúp gì được ta?”.  - Khi sư tử bị sa lưới, chuột nhắt trông thấy bèn chạy về gọi cả nhà ra, cắn đứt hết các mắt lưới cứu sư tử thoát nạn.  - Khi sư tử cảm ơn, chuột bảo: “Ông thấy chưa? Bé nhỏ như tôi cũng có lúc giúp được ông đấy”.  - Hs thực hiện  - Hs kể chuyện theo tranh  -Chuột nhắt có thể cứu được sư tử. / Chuột nhắt rất bé nhỏ vẫn có thể giúp được con vật mạnh như sư tử. / Sư tử rất sai khi coi thường chuột nhắt. / Chuột nhắt bé nhỏ nhưng rất tự tin  - Lắng nghe  - Bình chọn | |
| **3. Củng cố, dặn dò**  GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Mây đen và mây trắng. | | |

**Tuần 12 Thứ sáu ngày 27 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 63: Ôn tập**

(1 tiết)

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Cua, cò và đàn cá* (1).
* Nghe viết lại đúng chính tả 1 câu văn.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Phiếu khổ to ghi 4 ý của BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Luyện tập** |  |
| **2.1. BT 1** (Tập đọc)   1. GV chỉ hình, giới thiệu: Hôm nay các em học phần đầu của truyện Cua, *cỏ và đàn cá.* Đây là hình ảnh cò đang cắp một con cá bay đi. Chuyện gì đã xảy ra? 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **kiếm ăn, ven hồ, ra vẻ thật thà, dăm hôm, tát cạn, xóm bên, chén hết.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 7 câu. / GV chỉ cho HS đọc vỡ từng câu. * Đọc tiếp nối từng câu (vài lượt).  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 3 câu / 4 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV gắn lên bảng phiếu ghi nội dung BT: Trong 4 ý tóm tắt truyện, ý 1 và 4 đã biết. Cần đánh số TT xác định ý nào là ý 2, ý nào là ý 3. / Cả lớp đọc 4 ý. * 4) Đàn cá để cò đưa đi... / HS đọc các ý (TT đúng: 1) Cò lừa... 2) Đàn cá nhờ... 3) Cò hứa... 4) Đàn cá để cò...). * GV: Phần 1 của câu chuyện cho em biết điều gì? * **2.3. BT 2** (Nghe viết) * GV viết lên bảng câu văn cần nghe viết. * Cả lớp đọc câu văn, chú ý từ nào mình dễ viết sai (VD: *kiếm, ven).* * HS gấp SGK. GV sẽ đọc 3 tiếng một (*Cờ kiếm ăn - ở ven hồ)* cho . * HS viết xong, nghe GV đọc lại câu văn, sửa lỗi. | - Hs Luyện đọc từ ngữ: **kiếm ăn, ven hồ, ra vẻ thật thà, dăm hôm, tát cạn, xóm bên, chén hết.**  - Hs Luyện đọc câu  - Hs thực hiện  - 1 HS báo cáo kết quả, GV giúp HS đánh số TT trên phiếu: 1) Cò lừa đàn cá... 3) Cò hứa... 2) Đàn cá nhờ...  - Đàn cá thật thà. Cò gian xảo, lừa đàn cá).  - Hs đọc bài  -HS viết vào vở / VBT) |
| **3.Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |

**Tuần 13 Thứ hai ngày 30 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 64: in – it** **(2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các van **in, it;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các van **in, it.**
* Thực hiện đúng trò chơi hái táo vào rổ van **in,** van **it.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Cua, cò và đàn cá* (2).
* Viết đúng các van **in, it,** các tiếng (đèn) **pin,** (quả) **mít** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 4 hình ở BT đọc hiểu để HS đánh số TT cho tranh.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | |
| **A. KIỂM TRA BÀI CŨ:** 2 HS đọc bài *Cua, cỏ và đàn cá* (1) (bài 63). | | |  |
| **B. DẠY BÀI MỚI**   1. **Giới thiệu bài:** vần **in,** vần **it.** | | |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy vần **in**  * HS đọc từng chữ **i - nờ - in.** * Phân tích vần **in.** * Đánh vần, đọc trơn: **i - nờ - in / in.** * HS: *đèn pin /pin.* * Phân tích tiếng **pin.** * Đánh vần, đọc: **pờ - in - pin / pin.** * Đánh vần, đọc trơn: i - nờ - in / pờ - in - pin / đèn pin.   1. Dạy vần **it** (như vần **in)**   Đánh vần, đọc trơn: i - tờ - it / mờ - it - mit - sắc - mít / quả mít.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **in, it,** 2 tiếng mới học: **pin, mít** | | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| 1. **Luyện tập** | | |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Hái quả trên cây,...) * 1 HS đọc, cả lớp đọc từng từ: *tin, nhìn, vịt,...* * HS làm bài trong VBT: nối (bằng bút) từng quả táo với rổ vần tương ứng. * 1 HS nói kết quả (GV dùng kĩ thuật vi tính cho rơi các quả táo *(tin, nhìn, nín, chín)* vào rổ vần **in;** *(vịt, thịt)* vào rổ vần **it.** * GV chỉ từng quả táo, cả lớp: Tiếng **tin** có vần **in...** Tiếng **vịt** có vần **it,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **in:** viết **i** trước, **n** sau. / vần **it:** viết **i** trước, **t** sau **(t** cao 3 li). * **pin:** viết **p** (cao 4 li) rồi đến vần **in.** * **mít:** viết **m** rồi đến vần **it,** dấu sắc đặt trên **i.**  1. HS viết: vần **in, it** (2 - 3 lần). Sau đó viết: (đèn) **pin,** (quả) **mít.**  * GV cùng HS nhận xét | | | -HS đọc  -HS làm BT  -HS nói kết quả  -HS lắng nghe  HS viết vào bảng con  HS tham gia nhận xét |
| **Tiết 2** | | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3) Giới thiệu bài: Các em sẽ học tiếp phần 2 của truyện *Cua, cò và đàn cá.* Sau khi ăn hết đàn cá, cò tiếp tục lừa cua. Cua có bị mắc lừa không? Câu chuyện kết thúc thế nào? Các em hãy nghe câu chuyện.   1. GV đọc mẫu. Sau đó có thể mô tả, kết hợp giải nghĩa từ: Sau khi ăn hết đàn cá, cò tìm cua. Thái độ của cua *nửa tin nửa ngờ* (nửa tin cò, nửa nghi ngờ cò nói dối). Cò *cắp* (đưa) cua bay đến một gò đất nhỏ và *mổ cua* (định ăn thịt cua). Cua đã sẵn tinh thần cảnh giác. Nó giơ càng lên, kẹp cổ cò. Cò van xin cua tha cho. 2. Luyện đọc từ ngữ: **nửa tin nửa ngờ, dỗ, mê tít, cắp cua, gò đất, giơ gươm, kẹp, van xin.** 3. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 câu. / GV chỉ từng câu cho .  1. Đọc tiếp nối từng câu. 2. Thi đọc đoạn, bài. Chia bài làm 2 đoạn: 4 câu / 6 câu.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV gắn lên bảng 4 tranh kể lại diễn biến của câu chuyện. Tranh 1, 2 đã được đánh số. Cần đánh số TT tranh 3,4. * HS làm bài vào VBT. / 1 HS lên bảng xếp lại TT tranh 3 và 4. / GV chốt lại đáp án: Tranh 3 (Cua kẹp chặt cổ cò). Tranh 4 (Cò đưa cua trở về hồ cũ).   -1-2 HS nhìn tranh đã sắp xếp lại, nói lại nội dung câu chuyện:  Tranh 1: Cò tìm cua, dỗ cua đi với nó.  Tranh 2: Cò cắp cua bay đi.  Tranh 3: Cò định ăn thịt cua. Cua kẹp cổ cò.  Tranh 4: Cò phải trả cua về hồ cũ.  GV: Bài đọc giúp em hiểu điều gì? . | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -Cua khôn ngoan, luôn cảnh giác nên đã tự cứu mình. / Cò gian xảo đã phải thua cua. / Phải khôn ngoan, cảnh giác mới không mắc lừa, tránh được nguy hiểm). GV: Câu chuyện khen ngợi cua có tinh thần cảnh giác nên đã cứu được mình, làm thất bại mưu gian của cò. Các em cũng phải biết cảnh giác, chống lại kẻ xấu | |
| 4.**Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |  | |

**Tuần 13 Thứ hai ngày 30 tháng 11 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 65: iên – iêt (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **iên, iêt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **iên, iêt.**
* Làm đúng BT tìm từ ngữ có vần **iên,** vần **iêt** ứng với mỗi hình.
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Tiết tập viết.*
* Viết đúng **iên, iêt,** (cô) **tiên, viết** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Thẻ để HS ghi phương án đúng / sai.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tiết 1** | |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **KIỂM TRA BÀI CŨ:**  -HS 1 đọc bài *Cua, cò và đàn cá* (2) (bài 64).  -HS 2 trả lời câu hỏi: Bài đọc giúp em hiểu điều gì? | **-**HS đọc bài, trả lời câu hỏi |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **iên,** vần **iêt.** |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy vần **iên**  * HS đọc: **iê - nờ - iên.** * Phân tích vần **iên** gồm âm **iê** và **n.** * Đánh vần, đọc: **iê - nờ - iên / iên.** * HS nói: *cô tiên / tiên.* * Phân tích tiếng tiên. * Đánh vần, đọc: tờ - iên - tiên / tiên. * Đánh vần, đọc trơn: iê - nờ - iên / tờ - iên - tiên / cô tiên.   1. Dạy vần **iêt** (như vần **iên)**   Đánh vần, đọc trơn: iê - tờ - iêt / Vờ - iêt - Viêt - nặng - Việt / Việt Nam.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **iên, iêt,** 2 tiếng mới học: **tiên, Việt.** | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình) * HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ: *viết, đèn điện,...* * HS tìm từ ngữ ứng với mỗi hình; nói kết quả: 1) biển, 2) kiến, 3) biệt thự... * GV chỉ từng hình, cả lớp nhắc lại.   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **iên:** viết **iê** trước, **n** sau. / vần **iêt:** viết **iê** trước, **t** sau. * **tiên:** viết **t** rồi đến vần **iên. / viết:** viết **V** rồi đến vần **iêt,** dấu sắc đặt trên **ê.** * HS viết: **iên, iêt** (2 lần). Sau đó viết: (cô) **tiên, viết.** * GV cùng Hs nhận xét | -HS đọc  -HS tìm từ ngữ  -HS lắng nghe   * HS viết vào bảng con * HS tham gia nhận xét |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu minh hoạ và bài đọc: kể về 2 HS trong tiết tập viết. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **tiết tập viết, cẩn thận, xô bàn, biển, xiên đi, nhăn mặt, thì thầm.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có mấy câu? (10 câu). * GV chỉ từng câu (liền 2 câu ngắn) cho 1 HS đọc, cả lớp đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền 2 câu ngắn). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở câu: *Thế mà bạn Kiên xô bàn / làm chữ “biển ” của Hà xiên đi.* * HS tìm, đọc tiếng trong bài có vần **iên** *(Kiên, biển, xiên);* vần **iêt** *(tiết, viết).*  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn - mỗi lần xuống dòng là 1 đoạn),   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV chỉ từng ý cho HS đọc. / HS giơ thẻ xác định ý đúng / sai. / GV chốt đáp án: Ý a *(Hà viết chữ xiên vì chưa cẩn thận).* Sai. Ý b *(Hà viết chữ xiên vì Kiên lỡ xô bàn).* Đúng. Ý c *(Cô khen chữ Hà đẹp):* Đúng. * Cả lớp đọc lại kết quả; ghi lại vào VBT. * GV: Bài đọc cho em biết gì về bạn Hà? | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS đọc  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  - Hà viết chừ rất cẩn thận. / Hà tốt bụng, dễ bỏ qua lỗi của bạn |
| 4**.Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau |  |

**Tuần 13 Thứ ba ngày 31 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 64; 65)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

Viết đúng **in, it, iên, iêt, đèn pin, quả mít, cô tiên, viết -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:
2. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 1. **Luyện tập** 2. HS nhìn bảng, đọc: *in, đèn pin, it, quả mít, iên, cô tiên, iêt, viết.* 3. Tập viết: *in, đèn pin, it, quả mít.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần *in, it;* độ cao các con chữ. * GV vừa viết từng chữ ghi vần, tiếng, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao của các con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh *(mít).*   - HS viết các vần, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   1. Tập viết: *iên, cô tiên, iêt, viết* (như mục b). HS hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*   -GV cùng HS nhận xét | -HS đọc  -HS đọc nói cách viết  -HS viết vào vở |
| **4/Củng cố, dặn dò**  -GV nhận xét tiết học  -NHắc những HS chưa hòn thành , về nhà tiếp tục luyện viết | |

**Tuần 13 Thứ ba ngày 1 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 66: yên – yêt (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **yên, yêt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **yên, yêt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **yên,** vần **yêt.**
* Hiểu và ghi nhớ quy tắc viết các vần **yên, yêt.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Nam Yết của em.*
* Viết đúng các vần **yên, yêt,** các tiếng **yên** (ngựa), **yết** (kiến) (trên bảng con).

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu, phiếu cỡ to ghi quy tắc viết vần yên, yêt.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | |
| A/KIỂM TRA BÀI CŨ: 2 HS đọc bài *Tiết tập viết* (bài 65). | | |  |
| B/DẠY BÀI MỚI   1. **Giới thiệu bài:** Ở bài 65, các em đã học vần **iên,** vần **iêt.** Ở bài này, các em cũng học vần **iên,** vần **iêt** nhưng âm **i** được thể hiện bằng chữ **y** dài: **yên, yêt.** | | |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá (BT 1:** Làm quen)    1. Dạy vần **yên**  * GV giới thiệu cái yên ngựa. Đọc: **yên.** HS đọc: **yên.** * Phân tích vần **yên:** gồm âm **yê + n.** * Đánh vần, đọc: **yê - nờ - yên / yên.** * Đọc trơn: yê - nờ - yên / yên ngựa.   1. Dạy vần **yêt** (như vần **yên)** * GV giải thích: *Nam Yết* là một đảo thuộc quần đảo Trường Sa. Hòn đảo hình bầu dục, dài khoảng 650 mét, rộng 200 mét. Quanh đảo có bờ kè bằng bê tông chắn sóng kiên cố. Đảo không có nước, nhưng nhờ sự lao động chăm chỉ, cần cù của các chú bộ đội, đảo được phủ một màu xanh rất đẹp. Loài cây nhiều nhất ở đảo là dừa. Dừa mọc thành rừng trên đảo. * HS đánh vần, đọc trơn: yê - tờ - yêt - sắc - yết / Nam Yết.   \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **yên, yêt,** 2 tiếng mới học: **yên, yết.** | | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS nói |
| **3.Luyện tập** | | |  |
| **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm tiếng có vần **yên,** tiếng có vần **yêt)**   * HS đọc từng từ ngữ: *yên xe, niêm yết,...* GV giải nghĩa, yêu cầu HS tìm hình tương ứng: *yên xe* (vật làm bằng da, có khung sắt dùng làm chỗ ngồi trên xe đạp, xe gắn máy), *niêm yết* (dán thông báo cho tất cả mọi người biết), *chim yến* (loài chim thường làm tổ trên vách đá), *yết kiến* (gặp người bề trên với tư cách là khách: *Viên quan yết kiến nhà vua).* * Từng cặp HS tìm tiếng có vần **yên,** vần **yêt;** báo cáo kết quả / Cả lớp đồng thanh:   Tiếng **yên** (xe) có vần **yên.** Tiếng (niêm) **yết** có vần **yêt,...**   1. **Ghi nhớ (quy tắc chính tả)**  * GV chỉ bảng quy tắc: Bảng này giúp các em biết khi nào vần **iên,** vần **iêt** được viết bằng chữ **i** ngắn; khi nào vần **iên, iêt** được viết bằng **y** dài.   + Vần **iên** được viết là **iên (i** ngắn) khi có âm đầu đứng trước. VD: **tiên** (âm đầu **t +** vần **iên).** HS tìm thêm 3-4 tiếng có vần **iên.** VD: *biển, điện, miến, kiến, miền, tiền,...*  Tương tự, vần **iêt** được viết là **iêt (i** ngắn) khi có âm đầu đứng trước. VD: **biết (b + iêt +** dấu thanh). HS tìm thêm vài tiếng có vần **iêt.** VD: *viết,* (thân) *thiết,* (nước chảy) *xiết, siết* (chặt)...  + Vần **iên** được viết là **yên (y)** khi không có âm đầu đứng trước. VD: **yến (0 + yến).** Tương tự với **yêt.** VD: **yết** (0 + **yết).** GV: Có rất ít tiếng có vần **yên, yêt.**   * GV nhắc HS ghi nhớ quy tắc chính tả để viết đúng các vần **iên, iêt.**  1. **Tập viết** (bảng con - BT 5) 2. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **yên:** viết **yê** trước, **n** sau. Chú ý nối nét từ **y** sang **ê,** từ **ê** sang **n.** * Vần **yêt:** viết **yê** trước, **t** sau. Chú ý nối nét **y - ê -t.** * Từ **yên ngựa:** viết **yên** trước, **ngựa** sau. * Từ **yết kiến:** viết **yết** trước, **kiến** sau, dấu sắc đặt trên **ê.**  1. HS viết bảng con: **yên, yêt** (2 lần). Sau đó viết: **yên** (ngựa), **yết** (kiến) | | | -HS đọc từ ngữ  -Tìm tiếng, Báo cáo kết quả, đọc  -HS lắng nghe  - Quan sát, lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | | | |
| * 1. **Tập đọc** (BT 4)  1. GV giới thiệu bài đọc về đảo *Nam Yết.* Chỉ trên bản đồ quần đảo Trường Sa, đảo Nam Yết. Nam Yết là một đảo thuộc quần đảo Trường Sa. 2. GV vừa chỉ từng ảnh vừa đọc mẫu. 3. HS luyện đọc từ ngữ: **Nam Yết, giữa biển, nét chấm, làm chủ, đèn biển, chiến sĩ, bộ phận, cơ thể.** GV giải nghĩa: *bộ phận cơ thể -* một phần của cơ thể, nói cách khác, Nam Yết là một phần của Tổ quốc Việt Nam. 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài gồm 5 tấm ảnh, 5 câu. * GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * HS đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc từng đoạn, cả bài  * Từng cặp HS nhìn SGK, luyện đọc trước khi thi. * Từng cặp, tổ thi đọc tiếp nối 5 câu dưới 5 tranh. * Từng cặp, tổ thi đọc cả bài. 1 HS đọc cả bài. Cả lớp đọc đồng thanh.   g) Tìm hiểu bài đọc  - GV nêu YC: Mỗi HS nói điều mình biết về đảo Nam Yết qua 1 tấm ảnh.   * 1 HS làm mẫu với ảnh 1. * Mỗi HS chọn 1 ảnh, nói điều mình biết về đảo Nam Yết qua ảnh đó. | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS làm mẫu | |
| + Ảnh 2: Từ xưa, Việt Nam đã làm chủ Nam Yết. / Ảnh cột mốc chủ quyền trên đảo Nam Yết.  + Ảnh 3: Đây là đèn biển ở Nam Yết. / Nam Yết có nhà cửa, có đèn biển.  + Ảnh 4: Chiến sĩ trồng rau ở Nam Yết. / Các chú bộ đội sống ở Nam Yết như ở nhà.  + Ảnh 5: Các chú bộ đội nắm chắc tay súng bảo vệ đảo Nam Yết. / Nam Yết là bộ phận của Tổ quốc Việt Nam. | | | |
| * GV: Bài đọc giúp các em biết về đảo Nam Yết của nước ta và về cuộc sống của các chú bộ đội bảo vệ đảo Nam Yết. | | | |
| **4.Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | | | |

**Tuần 13 Thứ tư ngày 2 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 67: 0n – ot (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦUU**

* Nhận biết các vần **on, ot;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **on, ot.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có van **on,** vần **ot.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Mẹ con cá rô* (1).
* Biết nói lời xin phép.
* Viết đúng các vần **on, ot,** các tiếng (mẹ) **con,** (chim) **hót** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Thẻ để HS viết phương án chọn (BT đọc hiểu).
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| **Tiết 1** | | |
| **A/KIỂM TRA BÀI CŨ:**  2 HS tiếp nối nhau đọc bài *Nam Yết của em* (bài 66). HS 3 trả lời câu hỏi: Nói điều em biết về đảo Nam Yết qua 1 tấm ảnh. | | -HS đọc bài, trả lời câu hỏi |
| **B/DẠY BÀI MỚI**   1. **Giới thiệu bài:** vần **on,** vần **ot.** | |  |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)    1. Dạy van **on**  * HS đọc: **o - nờ - on.** * Phân tích vần **on.** * Đánh vần và đọc: **o - nờ - on / on.** * HS nói: *mẹ con / con.* / Phân tích tiếng **con.** * Đánh vần, đọc: cờ - on - con / con. * Đánh vần, đọc trơn: o - nờ - on / cờ - on - con / mẹ con.   1. Dạy vần **ot** (như vần **on)**   Đánh vần, đọc trơn: o - tờ - ot / hờ - ot - hot - sắc - hót / chim hót.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **on, ot,** 2 tiếng mới học: **con, hót** | | -HS đọc  -HS phân tích  -HS đánh vần  -HS nói  -HS đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS thực hiện  -HS nói |
| **3/Luyện tập** | |  |
| 3.1. Mở rộng vốn từ (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình)  - HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ: nón lá, quả nhót, rót trà,...  - HS làm bài trong VBT; nói kết quả. GV nối trên bảng từng hình ảnh với từ ngữ.  - GV chỉ từng hình, cả lớp: 1) rót trà, 2) nón lá, 3) sọt cá,...  3.2. Tập viết (bảng con - BT 4)  a) GV viết mẫu, giới thiệu  - Van on: viết o trước, n sau. Các con chữ đều cao 2 li. Chú ý nối nét giữa o và n.  - Vần ot: viết o trước, t sau. Viết o rồi rê bút nối sang t.  - con: viết c trước, vần on sau.  - hót: viết h (cao 5 li) rồi viết vần ot, dấu sắc đặt trên o.  b) HS viết: on, ot (2 lần). Sau đó viết: (mẹ) con, (chim) hót.  -GV cùng HS nhận xét | | -HS đọc từ ngữ  -Tìm tiếng, Báo cáo kết quả, đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| **Tiết 2** | |  |
| * 1. **Tập đọc** (BT 3)  1. GV chỉ hình, giới thiệu: Bức tranh vẽ cảnh cá rô mẹ đang nói gì đó với rô con. Các em hãy lắng nghe để biết chuyện của mẹ con cá rô (phần 1). 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **cá rô, kiếm ăn, dặn con, liền, tót ra ngỗ, lên bờ, cá cờ can.** GV giải nghĩa từ: *tót* (di chuyển, chạy rất nhanh); *can* (khuyên ngăn đừng làm). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có mấy câu? (9 câu). * GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (có thể nhìn SGK). Chia bài làm 2 đoạn: 3 câu / 6 câu.   g) Tìm hiểu bài đọc   * BT a: GV nêu YC; chỉ từng ý cho cả lớp đọc.   + HS đánh dấu chọn ý đúng trên VBT hoặc viết ý đúng lên thẻ (ý thứ nhất hoặc ý thứ hai).  + GV: Ý nào đúng? Cả lớp: Ý đúng: *Rô mẹ vừa đi - Rô con đã rủ cá cờ lên bờ.*  + GV: Ý nào sai? Cả lớp: Ý sai: *Rô mẹ vừa đi - Cá cờ đã rủ rô con đi xa.*   * BT b: + GV nêu YC của BT (Lẽ ra trước khi đi chơi, rô con phải xin phép mẹ thế nào?). * + GV nhận xét lời xin phép của HS (lễ phép, thật thà); nêu câu hỏi: Nếu rô mẹ biết rô con định lên bờ chơi thì rô mẹ sẽ làm gì? HS phát biểu. * GV kết luận: Nếu rô mẹ biết con định lên bờ chơi thì chắc chắn rô mẹ sẽ ngăn cản con, giải thích cho con hiểu làm việc đó sẽ nguy hiểm thế nào và đã không xảy ra sự việc rô con suýt mất mạng.   + GV: Bài đọc cho em biết gì về tính cách của rô con?  \* Củng cố: HS đọc lại bài 67; đọc 8 vần vừa học trong tuần (chân trang 122). | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc  -HS phát biểu tự do. VD: Mẹ ơi, con xin phép mẹ ra bờ hồ chơi nhé. / Con xin phép mẹ lên bờ xem ở đó có gì lạ, mẹ nhé!...  Lắng nghe  -Nếu rô mẹ biết con định lên bờ chơi thì chắc chắn rô mẹ sẽ ngăn cản con, giải thích cho con hiểu làm việc đó sẽ nguy hiểm thế nào và đã không xảy ra sự việc rô con suýt mất mạn  -Rô con không nghe lời mẹ. / Rô con không nghe lời bạn. / Rô con bướng bỉnh, tự cho là mình hiểu biết. |
| **4.Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |  |

**Tuần 13 Thứ năm ngày 3 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 66, 67)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

* Viết đúng **yên, yêt, on, ot, yên ngựa, yết kiến, mẹ con, chim hót -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Bảng phụ viết các vần, tiếng cần viết.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. |  |
| 2. Luyện tập  a) Cả lớp đánh vần, đọc trơn các vần, tiếng vừa học.  b) Tập viết: yên, yên ngựa, yết, yết kiến.  - 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần yên, yêt, độ cao các con chữ.  - GV vừa viết mẫu từng vần, tiếng, vừa hướng dẫn:  + Vần yên: chữ y cao 5 li. Vần yêt: chữ t cao 3 li.  + yên ngựa: g cao 5 li, dấu nặng dưới ư. /yết kiến, dấu sắc đặt trên ê. - HS viết các vần, tiếng trong vở Luyện viết 1, tập một.   1. Viết: on, mẹ con, ot, chim hót (như mục b).   - GV cùng HS nhận xét bình chọn bạn viết đúng qui trình, nhanh đẹp  3.**Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học  -Nhắc những HS chưa hoàn thành bài viết | HS đọc  -HS lắng nghe, quan sát  -HS viết vào vở  -HS tham gia nhận xét, bình chọn |

**Tuần 13 Thứ sáu ngày 4 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**KỂ CHUYỆN: MÂY ĐEN VÀ MÂY TRẮNG**

(1 tiết)

**I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
* Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu lời khuyên của câu chuyện: Không nên đánh giá người khác chỉ ở vẻ ngoài.

Giá trị của mỗi người là ở những gì họ làm được.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu hoặc 5 tranh minh hoạ truyện phóng to.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:**   GV chỉ 3 tranh đầu minh hoạ câu chuyện *Sư tử và chuột nhắt* (bài 62), nêu câụ hỏi, mời HS 1 trả lời. Thực hiện tương tự với 3 tranh cuối và HS 2. HS 3 trả lời câu hỏi: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? | |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Chia sẻ và giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)    1. **Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh, giới thiệu câu chuyện *Mây đen và mây trắng.* Mây đen là những đám mây thường thấy khi trời sắp mưa, khi sắp có dông, bão. Mây trắng là những đám mây thường thấy vào những ngày nắng ráo, đẹp trời. Mây đen xấu xí nhưng giúp ích cho con người. Các em hãy xem tranh trong khoảng 1 phút, thử đoán xem chuyện gì đã xảy ra giữa mây đen và mây trắng. HS nói điều mình đoán. (VD: Mây đen khóc. Nước mắt làm ra mưa. Mưa làm cây cỏ tươi tốt. Mây trắng xinh đẹp, bay nhởn nhơ). (Lướt nhanh).    2. **Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện *Mây đen và mây trắng* giúp các em hiểu một điều rất quan trọng khi đánh giá những người xung quanh. Điều đó là gì, các em hãy lắng nghe. | |
| 1. **Khám phá và luyện tập**    1. **Nghe kể chuyện: GV** kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm.   **Mây đen và mây trắng**   1. Dải mây trắng yểu điệu lượn gần tới đám mây đen xấu xí. Nó bĩu môi:   - Nhọ nhẻm nhọ nhem thế mà cũng gọi là mây. Thật xấu hổ!  Rồi cùng với làn gió nhẹ, mây trắng nhởn nhơ dạo chơi trên những cánh đồng khô héo.   1. Mây đen nghe mây trắng dè bỉu thì chả nói gì. Nó còn mải nhìn xuống cánh đồng hạn hán và suy nghĩ: Phải làm gì để giúp các bác nông dân. 2. Mây đen cố chịu đựng cái nóng dữ dội của ngày hè. Mỗi lúc, nó thêm xạm đen lại, xấu xí hơn. Vì thương các bác nông dân, thương cánh đồng đang khát nước ở dưới kia, mây đen bỗng oà khóc. Những giọt nước mắt mát rượi của nó thấm vào lòng đất mẹ. 3. Những cánh đồng reo vui, cỏ cây, hoa lá bừng tỉnh. Tất cả đều cảm ơn đám mây đen, cảm ơn cơn mưa tốt bụng. 4. Bấy giờ, mây trắng mải chơi và kiêu kì chợt thấy xấu hổ quá. Nó muốn nói lời xin lỗi mây đen, nhưng đã muộn rồi.   Theo NGUYỄN VĂN THẮNG | |
| 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh** 2. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Mây trắng nói gì với mây đen?* * GV chỉ tranh 2: *Mây đen lặng im vì còn mải nghĩ điều gì?* * GV chỉ tranh 3: *Vì sao mây đen oà khóc?* * GV chỉ tranh 4: *Nước mắt của mây đen mang lại điều gì cho cánh đồng và cỏ cây, hoa lá?* * GV chỉ tranh 5: *Vì sao mây trắng xấu hổ, tự trách mình?* * \* Sau mỗi lần 1 HS trả lời, GV có thể mời thêm 1 hoặc 2 HS nhắc lại.  1. Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 2 hoặc 3 tranh. 2. 1 HS trả lời các câu hỏi theo 5 tranh. 3. **Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi) 4. Mỗi HS nhìn 2 hoặc 3 tranh, tự kể chuyện. 5. HS kể chuyện theo tranh bất kì (trò chơi *Ô cửa sổ* hoặc bốc thăm). 6. 1 HS nhìn 5 tranh, tự kể toàn bộ câu chuyện.   - GV cùng HS bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể.   1. **Tìm hiểu ý nghĩa của câu chuyên**   -GV: Câu chuyện giúp em hiểu ra điều gì?  - .-GV: Không nên đánh giá người khác chỉ ở vẻ ngoài. Giá trị của mỗi người là ở những gì họ làm được  - Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu lời khuyên của câu chuyện. | - Mây trắng dè bỉu mây đen: “Nhọ nhẻm nhọ nhem thế mà cũng gọi là mây. Thật xấu hổ!”.  -Nghe mây trắng dè bỉu, mây đen chả nói gì vì còn mải nhìn xuống cánh đồng hạn hán, nghĩ cách để giúp các bác nông dân.  - Mây đen khóc vì thương các bác nông dân, thương cánh đồng khát nước.  -Nước mắt của mây đen làm cho những cánh đồng reo vui, cỏ cây, hoa lá bừng tỉnh. Tất cả đều cảm ơn đám mây đen, cảm ơn cơn mưa tốt bụng.  -Mây trắng xấu hổ, tự trách mình đã kiêu kì, coi thường mây đen vừa tốt bụng vừa làm được việc có ích.  -HS trả lời câu hỏi theo tranh  - Hs kể chuyện theo tranh      -HS tham gia bình chọn  - Mây đen rất có ích. / Mây đen làmmưa tưới tắm cho cây cỏ, ruộng đồng. / Mây trắng xấu hổ vì đã coi thường mây đen, không hiểu giá trị của mây đen. |
| **3/Củng cố, dặn dò**  GV nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết KC Thần gió và mặt trời. | |

**Tuần 13 Thứ sáu ngày 4 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 69: ÔN TẬP**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Ghép đúng các âm chính **i, iê, yê, o** với âm cuối **n, t** thành vần.
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Mẹ con cá rô* (2).
* Biết nói lời xin lỗi.
* Tập chép đúng chính tả 1 câu văn.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**: Thẻ để HS viết ý lựa chọn.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**: 1 HS đọc bài Tập đọc *Mẹ con cá rô* (1) (bài 67). | | -HS đọc bài  -HS ghép âm  -HS đọc  -HS đọc  -HS nói  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc  -VD: Mẹ ơi, con biết lỗi rồi. Từ nay con sẽ luôn nhớ lời mẹ dặn ạ. / Mẹ ơi, hôm nay nằm trên bờ hồ khô cạn, con rất sợ. Con biết lỗi rồi ạ. Từ nay con sẽ luôn nghe lời mẹ ạ. / Xin mẹ hãy tha lỗi cho con, mẹ nhé!...  - Rô con bướng bỉnh, không nghe lời mẹ nên đã gặp nạn). |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. | |
| 1. **Luyện tập**    1. **BT 1** (Ghép các âm thành vần) (lướt nhanh, làm bài cả lớp)  * GV đưa lên bảng lớp mô hình ghép vần; nêu YC: Ghép các âm chính **i, iê, yê, o** với âm cuối **n, t** thành vần. * GV chỉ từng âm chính ở cột dọc, cả lớp đọc: **i, iê, yê, o.** * GV chỉ từng âm cuối ở hàng ngang, cả lớp: **n, t.** * GV chỉ mẫu, mời 1 HS đọc: **iê - nờ - iên;** cả lớp: **iên.** 1 HS nói: **tiên** (VD). * GV chỉ từng chữ, cả lớp đồng thanh ghép từng âm thành vần (cột ngang); **in** (Sau đó, 1 HS nói 1 tiếng có vần **in.** VD: **tin).** Tiếp tục với **it / iên / iêt / yên / yêt / on / ot.** Sau mỗi vần, 1 HS nói nhanh tiếng có vần đó. | |
| * 1. **BT 2** (Tập đọc)  1. GV chỉ hình minh hoạ bài *Mẹ con cá rô* (2); giới thiệu: Bài đọc sẽ cho các em biết điều gì đã xảy ra với cá rô con. Cuối cùng, cá rô con đã hiểu ra điều gì? 2. GV đọc mẫu. Sau đó, hỏi: *Vì sao rô con nằm thở hí hóp?* (Rô con vọt lên bờ, bờ hồ khô cạn không có nước. Cá không thể sống thiếu nước nên rô con thở hí hóp. Giải nghĩa từ: *thở hí hóp* (thở yếu, vất vả, như sắp cạn hơi, phát ra âm thanh). 3. Luyện đọc từ ngữ: **vọt lên, khô cạn, thở hí hóp, than thở, thần mưa, phất cờ, đổ về, tràn qua, vọt về, tha thứ.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 7 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài. Có thể chia bài làm 2 đoạn (2 câu / 5 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * BT a: + GV nêu YC của BT lựa chọn; chỉ từng ý cho cả lớp đọc.   + HS khoanh tròn ý đúng trong VBT hoặc viết vào thẻ ý mình chọn.  + HS giơ thẻ, báo cáo kết quả: Ý thứ hai đúng (ý thứ nhất sai).  + Cả lớp đọc lại kết quả: *Khi rô con gặp nạn - chị gió, thần mưa giúp rô con.*   * BT b: + 1 HS đọc YC (Nói lời rô con xin lỗi mẹ). * HS phát biểu.   + GV nhận xét lời xin lỗi của HS: lễ phép, thể hiện sự chân thành nhận lỗi...   * GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? (Phải biết nghe lời mẹ. | |
| **3/BT 3** (Tập chép)   * HS đọc câu văn cần tập chép. * Cả lớp đọc thầm lại, chú ý những từ mình dễ viết sai. VD: *vọt, gặp.* * HS viết bài trong vở / VBT. / Viết xong tự sửa bài, đổi bài với bạn để sửa lỗi. * GV chữa bài cho HS, nhận xét chung. | | -HS đọc  -HS viết vào vở BT |
| **4.Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |  |

**Tuần 14 Thứ hai ngày 7 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 70: ôn – ôt (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ôn, ôt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ôn, ôt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ôn,** vần **ôt.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Nụ hôn của mẹ.*
* Viết đúng các vần **ôn, ôt,** các tiếng **thôn** (xóm), **cột** (cờ) (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

* Máy chiếu, màn hình.
* 5 thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu.

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của Hs** | |
| **A. KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS đọc bài Tập đọc *Mẹ con cá rô* (2) (bài 69). | -HS đọc bài | |
| B. DẠY BÀI MỚI |  | |
| 1. **Giới thiệu bài:** vần **ôn,** vần **ôt.** | -HS lắng nghe | |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** |  | |
| * 1. Dạy vần **ôn** * HS đọc: **ô, n,** vần **ôn. /** Phân tích vần **ôn.**7 Đánh vần và đọc: **ô - nờ - ôn / ôn.** * HS nói: *thôn xóm / thôn.* / Phân tích tiếng **thôn.** / Đánh vần, đọc: thờ - ôn - thôn / thôn. * Đánh vần, đọc trơn: ô - nờ - ôn / thờ - ôn - thôn / thôn xóm.   1. Dạy vần ôt (như vần **ôn)**   Đánh vần, đọc trơn: ô - tờ - ôt / cờ - ôt - côt - nặng - cột / cột cờ.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ôn, ôt,** 2 tiếng mới học: **thôn, cột.** | -HS đọc, phân tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần | |
| 1. **Luyện tập** |  | |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ôn?** Tiếng nào có vần **ôt?)** (Lướt nhanh) * GV chỉ từng từ, HS (cá nhân, cả lớp) đọc. /Giải nghĩa từ: *đôn* (đồ dùng thường để bày chậu cảnh hoặc để ngồi, làm bằng sành, sứ hay gỗ quý); *lá lốt* (loại lá dùng làm gia vị, quấn thịt rán); *chồn* (thú ăn thịt, sống ở rừng, tai nhỏ, mình dài, chân ngắn, có mùi hôi); *thốt nốt* (cây cùng họ với dừa, chất nước ngọt từ cây có thể làm đường thốt nốt),... * HS làm bài, nói kết quả tìm tiếng có vần **ôn,** vần **ôt.** * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **rốt** có vần **ôt.** Tiếng **đôn** có vần **ôn,...** | -HS đọc  - Báo cáo kết quả, đọc  -Cả lớp đọc | |
| * 1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ôn:** viết **ô** trước, **n** sau. Chú ý nối nét từ **ô** sang **n.** * Vần **ôt:** viết **ô** trước, **t** sau. Chú ý nối nét từ **ô** sang **t.**   **thôn:** viết **th** trước, **ôn** sau.   * **cột:** viết **c** trước, **ôt** sau, dấu nặng đặt dưới **ô.**  1. HS viết: **ôn, ôt** (2 lần). Sau đó viết: **thôn** (xóm), **cột** (cờ). | -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | |
| * 1. **Tập đọc** (BT 3)  1. GV giới thiệu bài *Nụ hôn của mẹ,* hình ảnh bé Chi bị sốt nằm trên giường, mẹ sờ tay lên trán bé, ân cần, lo lắng. 2. GV đọc mẫu. Giải nghĩa: *thiêm thiếp* (quá yếu mệt, nằm như không biết gì). 3. Luyện đọc từ ngữ: **nụ hôn, bị sốt, nằm thiêm thiếp, mở mắt, thì thầm.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 câu. * GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 6 câu / 4 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV gắn 5 thẻ chữ lên bảng; nêu YC; chỉ từng cụm từ, cả lớp đọc. * HS làm bài, nối các cụm từ trong VBT. / 1 HS báo cáo kết quả. * Cả lớp đọc: ạ) *Nụ hôn của mẹ* - 1) *thật ấm áp.* / c) *Bé Chi -* 2) *đã hạ sốt.*   \* Cả lớp đọc lại bài 70. | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT  -HS đọc |
| 1. **Củng cố, dặn dò :**   - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | |  |

**Tuần 14 Thứ hai ngày 7 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 71: ơn – ơt (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ơn, ơt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ơn, ơt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ơn,** vần **ơt.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Sơn và Hà.*
* Viết đúng các vần **ơn, ơt,** các tiếng **sơn** (ca), **vợt** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu - chọn ý a hay b.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:** 2 HS đọc bài Tập đọc *Nụ hôn của mẹ* (bài 70). | -HS đọc bài  -HS lắng nghe  -HS đọc, phân tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần  -HS đọc từ ngữ  -Tìm tiếng, Báo cáo kết quả, đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| 1. **DẠY BÀI MÓI** |
| 1. **Giới thiệu bài:** vần **ơn,** vàn **ơt.** |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làmquen) |
| * 1. Dạy vần **ơn:** * HS đọc: **ơ - n - ơn. /** Phân tích vần **ơn. /** Đánh vần, đọc: **ơ - nờ - ơn / ơn.** * HS nói: *sơn ca / sơn.* / Phân tích tiếng **sơn. /** Đánh vần, đọc trơn: sờ - ơn - sơn / sơn. / Đánh vần, đọc trơn: ơ-nờ-ơn/sờ-ơn - sơn / sơn ca.   1. Dạy vần **ơt** (như vần **ơn)**   Đánh vần, đọc tron: ơ-tờ-ơt/vờ-ơt - vơt - nặng - vợt / vợt.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **ơn, ơt,** 2 tiếng mới học: **sơn, vợt.** |
| 1. **Luyện tập** |
| **3.1Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm tiếng có vần **ơn,** tiếng có vần **ơt)**  (Như các bài trước) Xác định YC. / Đọc tên sự vật. / Tìm tiếng có vần **ơn, ơt,** nói kết quả. / Cả lớp đồng thanh: Tiếng **lợn** có vần **ơn.** Tiếng **thớt** có vần **ơt,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4) 2. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ơn:** viết **ơ** trước, **n** sau. / vần **ơt:** viết **ơ** trước, **t** sau. * **sơn:** viết **s** trước, **ơn** sau. * **vợt:** viết **V** trước, **ơt** sau, dấu nặng đặt dưới **ơ.**  1. HS viết: **ơn, ơt** (2 lần). / Viết: **sơn** (ca), **vợt.** |
| **Tiết 2** | |  |
| 1. **Tập đọc** (BT 3) 2. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu hình ảnh hai bạn Sơn, Hà và cô giáo trong giờ làm bài kiểm tra. 3. GV đọc mẫu. 4. Luyện đọc tìr ngữ: **kiểm tra, lẩm nhẩm, thờn bơn, bớt, thì thầm, lễ phép, ngẫm nghĩ, chợt nghĩ ra, nắn nót.** 5. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 13 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. Đọc liền 2 câu: *Hà thì thầm: “Còn 3 chứ? ” / Hà lê phép: Dạ.* / 2 câu cuối. * Đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn: 6 câu / 7 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * HS đọc nội dung BT. / HS làm bài trong VBT hoặc viết vào thẻ. * GV: Ý nào đúng? / HS giơ thẻ. / GV chốt lại: Ý a đúng (Ý b sai). * Cả lớp: Ý a đúng: *Cô Yến đề nghị Hà - a) Để bạn Sơn tự làm.*   \* Củng cố: Cả lớp đọc lại bài 71 (nếu còn thời gian). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện làm bài trong vở BT |
| 1. **Củng cố, dặn dò:**   - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau |  |

**Tuần 14 Thứ ba ngày 8 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 70; 71)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

* Viết đúng **ôn, ôt, ơn, ơt, thôn xóm, cột cờ, sơn ca, vợt -** chữ thường, cờ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC
2. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học | -HS lắng nghe |
| 1. **Luyện tập** 2. Cả lớp nhìn bảng, đánh vần, đọc trơn các vần, tiếng vừa học. 3. Tập viết: *ôn, thôn xóm, ôt, cột cờ.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết các vần *ôn, ôt;* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu lần lượt từng chữ ghi vần, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Vần *ôn:* cao 2 li. vần *ôt:* chữ *t* cao 3 li, chú ý rê bút khi viết từ **ô** sang **n** hay sang **t.**  + Viết *thôn: h* cao 5 li, *t* cao 3 li; *xóm:* dấu sắc đặt trên *o.*  + Viết *cột:* dấu nặng đặt dưới *ô.* Viết *cờ,* dấu huyền đặt trên *ơ.*   * HS viết các vần, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   Tập viết: *om, sơn ca, ơt, vợt* (như mục b). HS hoàn thành phần *Luyện tập thêm* | HS đánh vần, đọc trơn  - Đọc  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở tập viết |
| **2/Củng cố, dặn dò**  **-** GV nhận xét tiết học  - Nhắc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết | - Lắng nghe |



**Tuần 14 Thứ tư ngày 9 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 72: un – ut – ưt (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **un, ut, ưt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **un, ut, ưt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **un,** vần **ut,** vần **ưt.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Làm mứt.*
* Viết đúng các vần **un, ut, ưt,** các tiếng **phun, bút, mứt** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** 6 thẻ ghi từ ngữ ở BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:** 2 HS đọc bài Tập đọc *Sơn và Hà* (bài 71). | -HS đọc bài  -HS lắng nghe  -HS đọc, phân tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần  -HS đọc từ ngữ  -Tìm tiếng, Báo cáo kết quả, đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** |
| 1. **Giới thiệu bài:** vần **un,** vần **ut,** vần **ưt.** |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làmquen) |
| * 1. Dạy vần **un** * HS đọc: **u - nờ - un. /** Phân tích vần **un. /** Đánh vần, đọc: **u - nờ - un / un.** * HS nói: *phun.* / Phân tích tiếng **phun. /** Đánh vần, đọc: phờ - un - phun / phun. / Đánh vần, đọc trơn: u - nờ - un / phờ - un - phun / phun.   1. Dạy các vần **ut, ưt** (như vần **un)** * Đánh vần, đọc tron: u - tờ - ut / bờ - ut - but - sắc - bút / bút. * Đánh vần, đọc tron: ư - tờ - ưt / mờ - ưt - mưt - sắc - mứt / mứt. * Củng cố: HS nói 3 vần mới học là: **un, ut, ưt.** GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, từ ứng dụng, cả lớp đánh vần, đọc tron. * Củng cố: HS nói 3 vần mới học: **un, ut, ưt,** 3 tiếng mới học: **phun, bút, mứt.** |
| 1. **Luyện tập** |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **un?** Tiếng nào có vần **ut?** Tiếng nào có vần **ưt?)**   - Yêu cầu HS đọc từng từ ngữ: *chim cút, râm bụt,...*  - Tìm tiếng có vần **un,** vần **ut,** vần **ưt;** làm bài trong VBT. / Báo cáo kết quả. / Cả lớp đồng thanh (nói nhỏ): Tiếng **lùn** có vần **un.** Tiếng **cút** có vần **ut.** Tiếng **nứt** có vần **ưt,...**   * 1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **un: u** viết trước, **n** viết sau; chú ý nối nét từ **u** sang **n. /** Làm tương tự với **ut, ưt.** * **phun:** viết **ph** trước, vần **un** sau. / Làm tương tự với **bút, mứt.** Dấu sắc đặt trên u,   ư.  b) HS viết: **un, ut, ưt** (2 lần). Sau đó viết: **phun, bút, mứt.** |
| **Tiết 2** | |
| **Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc: Hai bạn thỏ và cún đang làm mứt cà rốt. Nồi mứt đặt trên bếp lửa đang cháy đùng đùng. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **làm mứt, đun bếp, lửa ngùn ngụt, rút bớt lửa, phàn nàn, nhỏ nhẹ.** GV giải nghĩa từ: *ngùn ngụt* (lửa bốc mạnh thành ngọn lớn), *phàn nàn* (nói ra nỗi buồn bực, không vừa ý), *nhỏ nhẹ* (nói nhỏ, nhẹ nhàng, dễ nghe). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 11 câu. * GV chỉ từng câu (hoặc chỉ liền 2 câu ngắn) cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (hoặc liền 2 câu ngắn) (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài (chia bài làm 2 đoạn đọc: 5/6 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho HS đọc. * 1 HS làm mẫu câu 1: a) Thỏ rủ cún - 3) làm mứt cà rốt. * HS làm bài trên VBT. / HS báo cáo kết quả. / Cả lớp nhắc lại: a) Thỏ rủ cún - 3) làm mứt cà rốt. / b) Cún - 1) đun bếp, lửa ngùn ngụt. / c) Làm mứt - 2) cần nhỏ lửa.   \* HS đọc lại bài 72 (nếu còn thời gian). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện  - HS đọc |
| **3.3.** **Củng cố, dặn dò** |  |

**Tuần 14 Thứ năm ngày 10 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 73: uôn - uôt (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết vần **uôn, uôt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **uôn, uôt.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **uôn,** vần **uôt.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Chuột út (1).*
* Viết đúng các vần **uôn, uôt,** các tiếng **chuồn chuồn, chuột** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Phiếu khổ to ghi nội dung BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **A/ KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS đọc bài Tập đọc *Làm mứt* (bài 72). | HS đọc  HS lắng nghe  -HS đọc, phấn tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần |
| **B/DẠY BÀI MỚI** |
| 1. **Giới thiệu bài:** vần **uôn,** vần **uôt.** |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |
| * 1. Dạy vần **uôn:** * **HS** đọc: **uô - nờ - uôn. /** Phân tích vần **uôn:** có âm **uô -** âm **n. /** Đánh vần, đọc: **uô - nờ - uôn / uôn.** * HS nói: *chuồn chuồn.* / Phân tích tiếng **chuồn. /** Đánh vần, đọc trơn: chờ - uôn - chuôn - huyền - chuồn / chuồn. * GV chỉ mô hình vần **uôn,** tiếng **chuồn,** từ ứng dụng, HS: uô - nờ - uôn / chờ - uôn - chuôn - huyền - chuồn / chuồn chuồn.   1. Dạy vần **uôt** (như vần **uôn)**   Đánh vần, đọc trơn: uô - tờ - uôt / chờ - uôt - chuôt - nặng - chuột / chuột.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học: **uôn, uôt,** 2 tiếng mới học: **chuồn, chuột.** |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **uôn?** Tiếng nào có vần **uôt?)** * HS (cá nhân, cả lớp) đọc từ ngữ dưới hình. * HS tìm nhanh tiếng có vần **uôn,** vần **uôt,** nói kết quả. * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **chuồn** có vần **uôn.** Tiếng **vuốt** có vần **uôt,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)   GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu:   * Vần **uôn: uô** viết trước, **n** viết sau. / vần **uôt:** viết **uô** trước, **t** sau. * **chuồn:** viết **ch** trước, vần **uôn** sau, dấu huyền đặt trên **ô.** * **chuột:** viết **ch** trước, vần **uôt** sau, dấu nặng đặt dưới **ô.** * **HS** viết: **uôn, uôt** (2 lần). / Viết: **chuồn chuồn, chuột.** | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| Tiết 2 | |
| **3.3. Tập đọc** (BT3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu bài *Chuột út* (1): Chuột út một mình ra sân chơi. Nó biết được những điều gì mới mẻ? 2. GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: *thô lố* (mắt to, lồi ra). 3. Luyện đọc từ ngữ: HS đánh vần (nếu cần), đọc trơn: **chuột, buồn, lũn cũn, dữ lắm, mắt thô lố, quát rõ to, rất hiền, muốn đùa.** 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 10 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc theo vai  * GV (vai dẫn chuyện) cùng 2 HS giỏi (vai chuột út, chuột mẹ) đọc mẫu. * Từng tốp (3 HS) luyện đọc theo vai trước khi thi. * Vài tốp thi đọc. GV khen những HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm. * Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài.   g) Tìm hiểu bài đọc   * Cả lớp đọc lời chuột út kể về con thú “dữ”: *“Mẹ ạ, trên sân ...sợquá”.* * GV chỉ hình, hỏi: Con thú “dữ” chuột út gặp là gà trống, chó hay mèo? . * GV: Gà trống là con vật rất hiền   \* HS đọc lại bài 73; đọc 9 vần vừa học trong tuần (chân trang 132). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện  - Đó là gà trống. / Cả lớp: Gà trống. |
| 1. **Củng cố, dặn dò**  * HS tìm thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần ***uôn*** *(cuốn, buôn, muốn, tuôn,...), có* vần ***uôt*** *(nuốt, ruột, tuột,...).* Có thể làm BT này ở nhà.   GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc bài Tập đọc cho người thân nghe | |

**Tuần 14 Thứ năm ngày 10 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 72 ; 73)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

Viết đúng **un, ut, ưt, uôn, uôt, phun, bút, mứt, chuồn chuồn, chuột -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** (như các bài học trước).
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. | -HS lắng nghe  HS đánh vần, đọc trơn  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở tập viết  - Lắng nghe |
| 1. **Luyện tập** 2. Cả lớp nhìn bảng, đánh vần, đọc trơn các vần, tiếng vừa học. 3. Tập viết: *un, phun, ut, bút, ưt, mứt.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết các vần *un, ut, ưt,* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu lần lượt từng vần, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Vần *un:* cao 2 li. vần *ut, ưt:* chữ *t* cao 3 li. (Chú ý viết nối nét *u - n, u -1)*  + Viết *phun:* chữ *h* cao 5 li, *p* cao 4 li. Viết *bút, mứt,* dấu sắc đặt trên *u, ư.*  - HS viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   1. Tập viết: *uôn chuồn chuồn, uôt, chuột* (như mục b). HS viết các vần, tiếng; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.* |
| **3/Củng cố, dặn dò**  - GV nhận xét tiết học  -Nhăc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết |

**Tuần 14 Thứ sáu ngày 11 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**KỂ CHUYỆN****: THẦN GIÓ VÀ MẶT TRỜI**

**(1 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi dưới tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thần gió thua mặt trời vì thần gió quá kiêu ngạo.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / Tranh minh hoạ truyện kể (phóng to).
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ:**   GV chỉ tranh 1, 2, 3 minh hoạ truyện *Mây đen và mây trắng,* nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 4, 5. | -HS trả lời  -Truyện có 3 nhân vật :thần gió, mặt trời, một người mặc áo khoác đang đi dưới mặt đất  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** |
| 1. **Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện** (gợi ý) |
| * 1. **Quan sát và phỏng đoán:** GV chỉ tranh minh hoạ, giới thiệu câu chuyện *Thần gió và mặt trời:* Các em hãy quan sát tranh, xem truyện có những nhân vật nào?   GV: Truyện có 3 nhân vật (GV chỉ từng nhân vật): thần gió, mặt trời, một người mặc áo khoác đang đi dưới mặt đất. Không rõ thần gió, mặt trời và người đi bộ làm gì. Họ có quan hệ với nhau như thế nào.   * 1. **Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện nói về cuộc thi tài giữa thần gió và mặt trời. Ai sẽ chiến thắng? |
| 1. **Khám phá và chia sẻ** |
| **Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện với giọng biểu cảm **3 lần.** |
| **Thần gió và mặt trời**   1. Thần gió vô cùng kiêu ngạo vì thần thường gây ra bão táp, làm đổ nhà cửa, cây cối. 2. Một hôm thần gió nói chuyện với mặt trời. Thần gió bảo: “Ta là người mạnh nhất”. Mặt trời nghe thần gió nói vậy thì chỉ một anh chàng đang đi bộ dưới mặt đất, bảo:  * Ta với anh, hễ ai làm cho anh chàng kia phải cởi áo khoác ra, người đó là kẻ mạnh nhất.  1. Thần gió bắt đầu ra oai. Thần nổi gió làm cát bụi bốc mù mịt, nhà cửa, cây cối đổ rạp. Nhưng gió càng lớn thì anh chàng kia càng cố giữ chặt chiếc áo. Thần gió không tài nào lột được chiếc áo đó ra. 2. Đến lượt mặt trời thử sức. Từ trong đám mây đen, mặt trời từ từ ló ra. Những tia nắng vàng toả khắp muôn nơi khiến mặt đất ngày càng nóng. Anh chàng đi bộ nóng vã mồ hôi. Thể là anh ta tự cởi áo khoác ra.   Theo *Ngụ ngôn Ê-dôp* (Minh Hoà kể) | |
| **2.1****Trả lòi câu hỏi theo tranh**   1. Mồi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Vì sao thần gió kiêu ngạo?* * GV chỉ tranh 2: *Thần gió nói gì với mặt trời? Mặt trời trả lời ra sao?* * GV chỉ tranh 3: *Thần gió dương oai, kết quả thế nào?* * GV chỉ tranh 4: *Mặt trời thử sức, kết quả ra sao?*  1. Yêu cầu HS trả lời liền các câu hỏi theo 2 tranh. 2. Yêu cầu HS trả lời các câu hỏi theo 4 tranh. | -Thần gió kiêu ngạo vì tự cho là mình rất mạnh. / Thần gió rất kiêu ngạo vì cho là mình có sức mạnh gây ra bão táp, làm đổ nhà cửa, cây cối  -Thần gió nói mình là kẻ mạnh nhất. / Mặt trời chỉ một người khoác chiếc áo đang đi dưới mặt đất, bảo: “Ta với anh, hễ ai làm cho anh chàng kia phải cởi áo khoác ra, người đó là kẻ mạnh nhất”  -Gió càng lớn thì người đi bộ càng cố giữ chặt áo. Thần gió không tài nào lột được áo của anh ta  -Mặt trời toả nắng, càng lúc càng nóng khiến người đi bộ vã mồ hôi. Thế là anh ta tự cởi bỏ áo  -HS trả lời |
| 1. **Kể chuyện theo tranh** 2. Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện. 3. Mỗi HS kể chuyện theo tranh bất kì. 4. 1 HS tự kể toàn bộ câu chuyện theo 4 tranh.   \* GV cất tranh, mời 1 HS kể chuyện không nhìn tranh (YC không bắt buộc). | -HS kể theo tranh |
| 1. **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  * GV: Em nhận xét gì về thần gió? * GV: Em nghĩ gì về mặt trời? * GV: Thần gió kiêu ngạo, hung hăng nhưng không cởi được áo của người đi bộ. Mặt trời rất khôn ngoan đã khiến người đi bộ tự cởi áo ra. Câu chuyện giúp các em hiếu: Người mạnh‘không phải người khoẻ, người hung hăng. Người mạnh là người thông minh, biết sử dụng trí óc. | -Thần gió kiêu ngạo, cho là mình mạnh nhất nhưng không cởi được áo của người đi bộ  -Mặt trời giỏi hơn, đã làm người đi bộ tự cởi áo ra |
| **3. Củng cố, dặn dò** (như các tiết trước)  GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC *Hàng xóm* | |

**Tuần 14 Thứ sáu ngày 11 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 75: Ôn tập**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chuột út* (2).
* Chép đúng chính tả 1 câu văn.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu, màn hình.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài**  * GV mời 2 HS cùng đọc lại bài *Chuột út* (1). * Giới thiệu MĐYC của bài Ôn tập. | -HS đọc  -HS lắng nghe |
| 1. **Luyện tập** |  |
| * 1. **BT 1** (Tập đọc): a) GV giới thiệu phần 2 của chuyện *Chuột út* sẽ cho biết câu chuyện tiếp diễn thế nào.  1. GV đọc mẫu. 2. Luyện đọc từ ngữ: **hớn hở, nằm thu lu, luôn liếm chân, rất thân thiện, la lớn, ăn thịt.** GV giải nghĩa: *nằm thu lu* (từ gợi tả dáng co nhỏ người lại, thu tròn người lại thật nhỏ). 3. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 7 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (lặp lại vài lượt). GV hướng dẫn HS nghỉ hơi ở câu: *Nó luôn liếm chân, liếm cổ / và nhìn con rất thân thiện.*  1. Thi đọc phân vai  * GV (vai dẫn chuyện), cùng 2 HS giỏi (vai chuột út, chuột mẹ) đọc mẫu. * Từng tốp (3 HS) luyện đọc phân vai trước khi thi. * Một vài tốp thi đọc. GV khen HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm. * Cuối cùng, 1 HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài (đọc nhỏ).   g) Tìm hiểu bài đọc   * Cả lớp đọc lời chuột út kể về con thú hiền: *"Con còn gặp ... rất thân thiện ”,* * GV chỉ hình, hỏi: Con thú “hiền” chuột út gặp là mèo, chó hay gà trống? / 1 HS: Đó là con mèo. / Cả lớp: Con mèo. (GV: Mèo là kẻ thù của nhà chuột). * GV: Câu chuyện giúp em hiểu điều gì? * GV: Câu chuyện khuyên các em: Đừng đánh giá người khác chỉ qua vẻ ngoài. | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS đọc phân vai theo nhóm  -HS đọc cả bài  -HS trả lơi, đọc  -Gà trống nom dữ tợn nhưng rất hiền. / Mèo nom rất hiền nhưng lại là kẻ thù của chuột |
| * 1. **BT 2** (Tập chép) * Yêu cầu HS, cả lớp đọc câu văn GV viết trên bảng *(Chuột kể về con thú nó gặp).* * Cả lớp đọc thầm câu văn. Chú ý những từ các em dễ viết sai. * HS nhìn câu văn, chép vào vở / VBT. * HS viết xong, tự soát lỗi, đổi bài với bạn để sửa lỗi cho nhau. * GV chữa bài cho HS, nhận xét chung. | -HS đọc  -Lớp đọc thầm  -HS tập chép câu văn vào vở |
| **3/Củng cố, dặn dò** | |

**Tuần 15 Thứ hai ngày 14 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 76: ươn - ươt (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ươn, ươt;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ươn, ươt.**
* Làm đúng BT giúp thỏ đem cà rốt về kho có vần **ươn,** vần **ươt.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Lướt ván.*
* Viết đúng các vần **ươn, ươt,** các tiếng (con) **lươn, lướt** (ván) (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Hình ảnh, 6 thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**:   1 HS đọc bài *Chuột út* (2) (bài 75). | | HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc, phấn tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **ươn,** vần **ươt.** | |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) | |
| * 1. Dạy vần **ươn** * HS đọc: **ươ - nờ - ươn. /** Phân tích vần **ươn. /** Đánh vần, đọc: **ươ - nờ - ươn / ươn.** * HS nói: *con lươn / lươn.* / Phân tích tiếng **lươn.** / Đánh vần, đọc: lờ - ươn - lươn / lươn. / Đánh vần, đọc trơn: ươ - nờ - ươn / lờ - ươn - lươn / con lươn.   1. Dạy vần **ươt** (như vần **ươn).**   Đánh vần, đọc trơn: ươ - tờ - ươt / lờ - ươt - lươt - sắc - lướt / lướt ván.  \* Củng cố: HS nói 2 vần mới học là: **ươn, ươt,** 2 tiếng mới học: **lươn, lướt.** | |
| 1. **Luyện tập** | |
| * 1. **Mở rộng vốn từ (BT** 2: Giúp thỏ đem cà rốt về hai nhà kho cho đúng) * HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ: *vượn, trượt, vượt,...* * Từng cặp HS tìm tiếng có vần **ươn,** vần **ươt. /** 2 HS báo cáo kết quả. * Cả lớp nhắc lại: Tiếng vượn có vần **ươn.** Tiếng trượt có vần **ươt...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ươn:** Viết **ươ** rồi đến **n** (các con chữ đều cao 2 li). Chú ý viết **ươ** và **n** không xa quá hay gần quá. * Vần **ươt:** Viết **ươ** rồi đến **t** (cao 3 li). * **lươn:** viết **1** (5 li) rồi đến vần **ươn.** * **lướt:** viết **1** nối sang vần **ươt.** Dấu sắc đặt trên **ơ.**   HS viết: **ưon, ươt** (2 lần). Sau đó viết: (con) **lươn, lướt** (ván). | |
| **Tiết 2** | | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu: Lũ chuột trượt ván trên bờ. Cá chuồn, cún lướt ván trên mặt biển. Vượn ôm ván chơi gần bờ. Thỏ sợ nước, ở trên bờ cổ vũ. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **lướt ván, trượt ván, nô đùa ầm ĩ, cá chuồn, hăm hở, lướt như múa lượn, vượn, sợ ướt, cổ vũ, thú vị.** GV giải nghĩa: *hăm hở* (hăng hái, nhiệt tình). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 9 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài, chia bài làm 3 đoạn: 3/4/2 câu.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng vế câu cho HS đọc. * Từng cặp HS làm bài; nói kết quả, GV nối từng vế câu trên bảng lớp. * Cả lớp đồng thanh: a) Cún - 3) lướt như múa lượn. / b) Vượn - 2) chưa dám ra xa. /  1. Thỏ - 1) sợ ướt, ở trên bờ. | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện | |
| 4/**Củng cố, dặn dò**:  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau |  | |

**Tuần 15 Thứ hai ngày 14 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 77: ang - ac (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* HS nhận biết vần **ang, ac;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ang, ac.**
* Nhìn chữ, tìm đúng các tiếng có vần **ang,** vần **ac.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Nàng tiên cá.*
* Viết đúng các vần **ang, ac,** các tiếng **thang, vạc** (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu hoặc các thẻ chữ.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| **A/KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS đọc bài Tập đọc *Lướt ván* (bài 76). | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS đọc, phấn tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| **B/DẠY BÀI MỚI**   1. **Giới thiệu bài:** vần **ang,** vần **ac.** |
| **2.Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen)  Dạy vần **ang**   * HS đọc: **a - ngờ - ang. /** Phân tích vần **ang.** / Đánh vần, đọc trơn: **a - ngờ - ang /**   **ang.**   * HS nói: *thang.* / Phân tích tiếng **thang. /** Đánh vần, đọc: thờ - ang - thang / thang. / Đánh vần, đọc trơn: a - ngờ - ang / thờ - ang - thang / thang.   1. Dạy vần **ac** (như vần **ang)**   Đánh vần, đọc tron: a - cờ - ac / vờ - ac - vac - nặng - vạc / vạc.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ang, ac,** 2 tiếng mới học: **thang, vạc.** |
| **3.Luyện tập** |
| **3.1Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ang?** Tiếng nào có vần **ac?)**   * HS đọc từng từ ngữ. / Tìm tiếng có vần **ang,** vần **ac** trong VBT, nói kết quả. * Cả lớp: Tiếng **bác** có vần **ac.** Tiếng **vàng** có vần **ang,...**   **3.2. Tập viết** (bảng con - BT 4)   1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ang: a** viết trước, **ng** viết sau **(g** cao 5 li); chú ý nét nối giữa **a** và **ng. /** Làm tương tự với vần **ac.** * **thang:** viết **th** trước, **ang** sau. * **vạc:** viết **v** trước, **ac** sau, dấu nặng đặt dưới **a.**  1. HS viết: **ang, ac** (2 lần). Sau đó viết: **thang, vạc.** |
| **Tiết 2** | |
| **3.3. Tập đọc** (BT 3)   1. GV giới thiệu hình ảnh nàng tiên cá: nửa thân trên giống 1 cô bé, nửa thân dưới là cá. 2. GV đọc mẫu.. 3. Luyện đọc từ ngữ: **nàng tiên cá, nửa thân trên, lướt trên biển, nhẹ nhàng, các thứ, đất liền, ngân nga.** Giải nghĩa: *ngân nga* (âm thanh kéo dài, vang xa). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 8 câu. GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài, chia bài làm 2 đoạn, mỗi đoạn 4 câu.   g) Tìm hiểu bài đọc   * HS đọc từng vế câu. / HS làm bài trong VBT, báo cáo kết quả. * GV ghi lại đáp án trên bảng. / Cả lớp đọc lại: a) Nàng tiên cá - (2) ngân nga hát.  1. Dân đi biển - (1) nghe hát, quên cả mệt, cả buồn.  * Bài đọc kể về nàng tiên cá: hình dáng, tính tình của nàng (nhân hậu, thích ca hát). | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS thực hiện |
| 1. **Củng cố, dặn dò:**   - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau |  |

**Tuần 15 Thứ ba ngày 15 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 76; 77)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

Viết đúng **ươn, ươt, ang, ac, con lươn, lướt ván, thang, vạc -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** (như các tiết Tập viết)
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. | -HS lắng nghe |
| 1. **Luyện tập** 2. Cả lớp đánh vần, đọc trơn: *ươn, con lươn, ươt, lướt ván, ang, thang, ac, vạc.* 3. Tập viết: *ươn, con lươn, ươt, lướt ván*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần *ươn, ươt;* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu lần lượt từng vần, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Vần *ươn* cao 2 li; vần *ươt:* chữ *t* cao 3 li.  + Viết *lươn, lướt:* chữ *l* cao 5 li. Tiếng *lướt,* dấu sắc đặt trên *ơ.*   * HS thực hành viết các vần, tiếng trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   Tập viết: *ang, thang, ac, vạc* (như mục b). HS hoàn thành phần *tập thêm.*  -GV cùng HS nhận xét bình chon bạn viết nhanh, đúng qui trình, đẹp | HS đánh vần, đọc trơn  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở tập viết |
| **3/Củng cố, dặn dò**  -GV nhận xét tiết học  -Nhăc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết | - Lắng nghe |



**Tuần 15 Thứ tư ngày 16 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 78: ăng - ăc (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **ăng, ăc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăng, ăc.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăng,** vần **ăc.**
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Cá măng lạc mẹ* (1).
* Viết đúng các vần **ăng, ăc,** các tiếng **măng, tắc** (kè) (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / phiếu khố to viết nội dung BT đọc hiểu.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** | |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS tiếp nối nhau đọc bài *Nàng tiên cá* (bài 77). | -HS trả lời | |
| 1. **DẠY BÀI MỚI** 2. **Giới thiệu bài:** vần **ăng,** vần **ăc.** | -HS lắng nghe | |
| 1. **Chia sẻ và khám phá (BT** 1: Làm quen) |  | |
| * 1. Dạy vần **ăng** * HS đọc: **ă - ngờ - ăng. /** Phân tích vần **ăng. /** Đánh vần và đọc: **ă - ngờ - ăng / ăng.** * HS nói: *măng.* / Phân tích tiếng **măng. /** Đánh vần, đọc: mờ - ăng - măng / măng. * Đánh vần, đọc trơn: ă - ngờ - ăng / mờ - ăng - măng / măng.   1. Dạy vần **ăc** (như vần **ăng):** Đánh vần, đọc trơn: ă - cờ - ăc / tờ - ăc - tăc - sắc - tắc / tắc kè.   \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **ăng, ăc,** 2 tiếng mới học: **măng, tắc.** | -HS đọc, phấn tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần | |
| 1. **Luyện tập** |  | |
| * 1. **Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **ăng?** Tiếng nào có vần **ăc?)** * HS đọc từng từ ngữ. / Từng cặp HS tìm tiếng có vần **ăng, ăc;** báo cáo. * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **răng** có vần **ăng.** Tiếng **xắc** có vần **ăc,...**   1. **Tập viết** (bảng con - BT 4)  1. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **ăng:** viết **ă** rồi nối sang **ng. /** Thực hiện tương tự với vần **ăc.** * Tiếng **măng:** viết **m, ăng. /** Làm tương tự với tiếng **tắc.** Dấu sắc đặt trên **ă.**  1. HS viết bảng con: **ăng, ăc** (2 lần). / Viết: **măng, tắc** (kè). | -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con | |
| **Tiết 2** | | |
| * 1. **Tập đọc** (BT 3)  1. GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu: Bài đọc kể chuyện cá măng bị lạc mẹ giữa biển lớn và điều nguy hiểm sắp xảy ra: một con cá mập hung dữ xuất hiện. 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **cá măng, lạc mẹ, biển lớn, kiếm ăn, gió lớn, lo lắng, đằng xa, cá mập, răng sắc nhọn, lởm chởm.** Giải nghĩa từ: *lởm chởm* (răng nhọn, cứng, đâm ra không đều nhau). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 6 câu. / HS (cá nhân, cả lớp) đọc vỡ từng câu. * Đọc tiếp nối từng câu (vài lượt).  1. Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (2 câu / 4 câu); thi đọc cả bài.   g) Tìm hiếu bài đọc   * GV nêu YC; chỉ từng ý a, b, c cho HS đọc. / HS làm bài trong VBT. * 1 HS báo cáo kết quả. GV chốt lại đáp án.   Cả lớp nhắc lại: Ý a (Một hôm mưa gió, cá măng lạc mẹ.) - **đúng.** Ý b (Cá măng tự ý đi xa nên lạc mẹ.) - **sai.** Ý c (Cá măng chợt gặp cá mập.) - **đúng** | | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS theo dõi  -HS trình bày  -HS thực hiện |
| 1. **Củng cố, dặn dò**   - Nhận xét tiết học | |  |

**Tuần 15 Thứ năm ngày 17 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**Bài 79: âng - âc (2 tiết)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nhận biết các vần **âng, âc;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **âng, âc.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **âng,** vần **âc.**
* Đọc đúng và hiểu bài Tập đọc *Cá măng lạc mẹ* (2).
* Viết đúng các vần **âng, âc,** các tiếng (nhà) **tầng,** (quả) **gấc** (trên bảng con).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Phiếu ghi sơ đồ tóm tắt truyện *Cá măng lạc mẹ* (2).
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**Tiết 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **KIỂM TRA BÀI CŨ**: 2 HS tiếp nối nhau đọc bài *Cá măng lạc mẹ* (1). | HS đọc bài  -HS lắng nghe  -HS đọc, phấn tích, đánh vần  -HS nói, phân tích, đánh vần  -HS đánh vần, đọc trơn  -HS đánh vần  -HS đọc  -HS lắng nghe  -HS viết ở bảng con |
| 1. **DẠY BÀI MỚI**   **1/Giới thiệu bài:** vần **âng,** vần **âc.** |
| 1. **Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Làm quen) |
| * 1. Dạy vần **âng:** * HS đọc: **â - ngờ - âng. /** Phân tích vần **âng. /** Đánh vần và đọc: **â - ngờ - âng / âng.** * HS nói: *nhà tầng / tầng.* / Phân tích tiếng **tầng. /** Đánh vần và đọc: tờ - âng - tâng - huyền - tầng / tầng. * Đánh vần, đọc trơn: â - ngờ - âng / tờ - âng - tâng - huyền - tầng / nhà tầng.   1. Dạy vần **âc** (như vần **âng)**   Đánh vần, đọc tron: â - cờ - âc / gờ - âc - gâc - sắc - gấc / quả gấc.  \* Củng cố: HS nói lại 2 vần mới học: **âng, âc,** 2 tiếng mới học: **tầng, gấc.** |
| 1. **Luyện tập** |
| **3.1. Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tiếng nào có vần **âng?** Tiếng nào có vần **âc?)**   * HS (cá nhân, cả lớp) đọc từng từ ngữ.   Từng cặp HS tìm tiếng có vần **âng, âc,** nói kết quả.   * Cả lớp nhắc lại: Tiếng **bậc** (thang) có vần **âc.** Tiếng **vầng** (trăng) có vần **âng,...**  1. **Tập viết** (bảng con - BT 4) 2. GV vừa viết mẫu vừa giới thiệu  * Vần **âng:** viết **â** trước, **ng** sau; chú ý nối nét giữa **â** và **ng. /** Làm tương tự với vần **âc.** * Tiếng **tầng:** viết **t** trước, **âng** sau, dấu huyền đặt trên **â./** Làm tương tự với tiếng **gấc,** dấu sắc đặt trên **â.**  1. HS viết: **âng, âc** (2 lần). Sau đó viết: (nhà) **tầng,** (quả) **gấc.** |
| **Tiết 2** | |
| 1. **Tập đọc** (BT 3) 2. GV chỉ hình minh hoạ bài *Cá măng lạc mẹ* (2), giới thiệu cảnh hai mẹ con cá măng vui mừng gặp lại nhau. Làm thế nào mà cá măng nhỏ thoát khỏi cá mập và tìm được đường về với mẹ? 3. GV đọc mẫu. Đọc xong, mô tả sự thông minh của cá măng nhỏ: Cá mập đã áp sát, sắp đớp được cá măng. Cá măng nhỏ bơi vọt lên trên, bám chặt thân tr ên cá mập khiến cá mập không nhìn thấy nó nữa. 4. Luyện đọc từ ngữ: **áp sát, nhô lên, bám chặt, mất hút, ngớ ra, vụt đến, giấc mơ, cảm giác lâng lâng.** Giải nghĩa từ: *mất hút* (biến mất, không thấy đâu); *lâng lâng* (cảm thấy nhẹ nhõm, dễ chịu). 5. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 7 câu. / GV chỉ từng câu cho HS đọc vỡ. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc đoạn, bài. Chia bài làm 3 đoạn đọc: 2 câu / 2 câu / 3 câu.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV đưa lên bảng sơ đồ tóm tắt truyện, nêu YC: Điền từ còn thiếu vào ý 2 và ý 3 để hoàn thành sơ đồ. * 1 HS đọc trước lớp từng ý của sơ đồ chưa hoàn chỉnh. * HS làm bài (miệng), điền từ vào chỗ trống. * GV chỉ từng ý, 1 HS đọc kết quả. / Cả lớp đọc lại sơ đồ đã hoàn chỉnh. * GV: Qua câu chuyện, em biết gì về cá măng nhỏ? | -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc bài  -HS theo dõi  -HS trình bày  -HS thực hiện  -Cá măng nhỏ rất thông minh, đã tự cứu mình thoát khỏi cá mập. / Cá măng nhỏ làm cho cá mập bị lừa, không rõ mình đã ăn thịt cá măng chưa. / Cá măng nhỏ rất thông minh, yêu mẹ |
| **Củng cố, dặn dò:** GV nhắc HS về nhà kể cho người thân nghe câu chuyện về cá măng thông minh biết tự cứu mình thoát khỏi cá mập. | |

**Tuần 15 Thứ năm ngày 17 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**TẬP VIẾT ( sau bài 78; 79)**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU:**

* Viết đúng **ăng, ăc, âng, âc, măng, tắc kè, nhà tầng, quả gấc -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC** (như các tiết Tập viết trước).
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. | -HS lắng nghe |
| 1. **Luyện tập** 2. HS đánh vần, đọc trơn: *ăng, măng, ăc, tắc kè, âng, nhà tầng, âc, quả gấc.* 3. Tập viết: *ăng, măng, ăc, tắc kè.*  * 1 HS nhìn bảng, đọc; nói cách viết vần *ăng, ăc,* độ cao các con chữ. * GV vừa viết mẫu lần lượt từng vần, tiếng, vừa hướng dẫn. Chú ý độ cao các con chữ, cách nối nét hoặc để khoảng cách, vị trí đặt dấu thanh *(tăc kè).* * HS thực hành viết trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  1. Tập viết: *âng, nhà tầng, âc, quả gấc* (như mục b). HS hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  * GV cùng Hs nhận xét, bình chọn bạn viết nhanh, đẹp | -HS đánh vần, đọc trơn  -HS lắng nghe  -HS viết vào vở tập viết  -HS tham gia bình chọn |
| **3/ Củng cố, dặn dò**  -GV nhận xét tiết học  -Nhăc HS chưa hoàn thành bìa viết về nhà tiếp tục luyện viết |  |

**Tuần 15 Thứ sáu ngày 18 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**KỂ CHUYỆN: HÀNG XÓM**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.
* Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.
* Nhìn tranh, có thể tự kể từng đoạn của câu chuyện.
* Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Khi chồn mẹ bị ốm, hàng xóm ai cũng sẵn lòng giúp đỡ. Tình cảm yêu thương, giúp đỡ của hàng xóm làm chồn mẹ rất cảm động.

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:** Máy chiếu / 6 tranh minh hoạ truyện phóng to.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. KIỂM TRA BÀI CŨ: GV chỉ các tranh 1, 2 minh hoạ truyện *Thần gió và mặt trời* (bài 74), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo các tranh 3, 4. | | -HS trả lời |
| 1. DẠY BÀI MỚI | |  |
| 1. **Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện** (gợi ý) | |  |
| * 1. **Quan sát và phỏng đoán:** HS quan sát tranh minh hoạ truyện *Hàng xóm,* nói tên các nhân vật, đoán nội dung truyện. (Truyện có chồn, sẻ, voi, sóc, chuột túi). Có chuyện gì đó đã xảy ra ở nhà chồn, mọi người đều đến nhà chồn, quan tâm giúp đỡ.   **1.2.Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện kể về tình cảm giữa những người hàng xóm khi chồn mẹ bị ốm. Các em hãy lắng nghe | | \_HS quan sát, trả lời  -HS lắng nghe |
| .2. **Khám phá và luyện tập**  **2.1. Nghe kể chuyện:** GV kể chuyện **3 lần.** Đoạn 1 (chồn mẹ bị ốm): nhấn giọng từ ngữ *la khóc ầm ĩ.* Đoạn 2, 3, 4, 5 (sẻ biết tin, bay đến, rồi báo tin cho các bạn hàng xóm cùng đến): giọng nhanh, gấp gáp thể hiện sự nhiệt tình, sẵn lòng giúp đỡ của mọi người. Đoạn 6 (chồn mẹ cảm động): giọng kể chậm, vui, ấm áp. | | -HS lắng nghe |
| **Hàng xóm**   1. Chồn mẹ bị ốm, hai chú chồn con la khóc ầm ĩ. 2. Sẻ nghe tiếng kêu la, lập tức bay đến nhà chồn. 3. Rồi nó bay đến cửa sổ nhà voi, ríu rít gọi: “Chồn mẹ bị ốm. Bác đến giúp cô ấy nhé!”. Voi lập tức đến nhà chồn. Nhìn thấy hoa cỏ trong sân đã khô héo cả, voi liền dùng vòi hút nước dưới giếng, tưới nước cho cây. 4. Sẻ lại bay đến nhà sóc, ríu rít kêu: “Chồn mẹ bị ốm. Cô đến giúp cô ấy nhé!”. Sóc lập tức đến nhà chồn. Nhìn thấy trên mặt bàn toàn bát đĩa bẩn, sóc liền đem rửa, rồi lau bàn thật sạch sẽ.   Sẻ lại bay đến nhà chuột túi, ríu rít kêu: “Chồn mẹ ốm rồi. Cô đến giúp cô ấy nhé!”. Chuột túi chạy ngay đến nhà chồn. Thấy hai chú chồn con đang khóc, chuột túi   1. liền cho chúng vào túi ngực của mình, và dỗ: “Đừng khóc nữa, ta sẽ cho hai cháu đi chơi!”. Chồn con nghe nói được đi chơi thì nín ngay. 2. Chồn mẹ thấy vậy, cảm động nói: “Có các bạn giúp, tôi thấy khoẻ hơn rất nhiều rồi!”.   Theo *365 chuyện kể trước giờ đi ngủ* (Minh Hoà kể) | | |
| 1. **Trả lời câu hỏi theo tranh** 2. Trả lời câu hỏi dưới mỗi tranh  * GV chỉ tranh 1, hỏi: *Chuyện gì xảy ra ở nhà chồn ?* * GV chỉ tranh 2: *Vì sao chim sẻ biết chuyện đó?* * GV chỉ tranh 3: *Sẻ đã báo tin cho ai? Bác ấy đã làm gì?* * GV chỉ tranh 4: *Sẻ còn bảo tin cho ai nữa? Cô ấy đã làm gì?* * GV chỉ tranh 5: Sẻ còn báo tin cho ai nữa? (*Nhận được tin của sẻ, chuột túi đã làm gì?*   -GV chỉ tranh 6: *Chồn mẹ nói gì trước sự giúp đỡ của mọi người?*   1. Mỗi HS trả lời các câu hỏi dưới hai tranh liền nhau. 2. 1 HS trả lời tất cả các câu hỏi dưới 6 tranh. | -Chồn mẹ bị ốm. Hai chú chồn con la khóc ầm ĩ  -Vì sẻ nghe thấy tiếng kêu khóc ở nhà chồn, nó bay đến và biết được chuyện  - Sẻ báo tin cho voi. Voi lập tức đến nhà chồn. Thấy hoa cỏ trong sân đã khô héo, voi liền dùng vòi hút nước dưới giếng, tưới nước cho cây  -Sẻ báo tin cho sóc. Sóc lập tức đến nhà chồn. Nhìn thấy trên bàn toàn bát đĩa bẩn, sóc liền đem rửa, rồi lau bàn thật sạch sẽ  -Sẻ còn báo tin cho chuột túi  -Chuột túi nhận được tin của sẻ thì chạy ngay đến nhà chồn. Thấy hai chú chồn con đang khóc, chuột túi liền cho chúng vào túi ngực của mình, và dồ sẽ cho chúng đi chơi. Chồn con nghe nói được đi chơi thì nín ngay  - Chồn mẹ cảm động nói: “Có các bạn giúp, tôi thấy khoẻ hơn rất nhiều”.  - HS trả lời  -HS trả lời | |
| 1. **Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi) : Mỗi HS kể theo 2 tranh / theo tranh bất kì /1 HS kể theo 6 tranh.   \* GV cất tranh, mời 1 HS kể chuyện không nhìn tranh  - GV và HS bình chọn bạn trả lời câu hỏi đúng, bạn kể to, rõ, kể hay, biết hướng đến người nghe khi kể. | -HS kể | |
| 1. **Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  * GV: Em nhận xét gì về hàng xóm của chồn mẹ? * GV: Câu chuyện cho thấy tình cảm yêu thương, giúp đỡ nhau giữa những nguời hàng xóm. Đó là tình cảm rất đáng quý. | -Hàng xóm của chồn mẹ rất tốt, sần lòng giúp đỡ chồn mẹ khi chồn mẹ bị ốm  -HS lắng nghe | |
| **3/Củng cố, dặn dò:** GV nhắc HS chuẩn bị cho tiết KC *Cô bé và con gấu.* | | |



**Tuần 15 Thứ sáu ngày 18 tháng 12 năm 2020**

**Tiếng Việt**

**ÔN TẬP**

1. **MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

* Làm đúng BT ghép âm thành vần.
* Đọc đúng, hiêu bài Tập đọc *Bỏ nghề.*
* Chép đúng 1 câu văn.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:** Phiếu khổ to viết mô hình ghép âm của BT 1.
2. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của Giáo viên** | **Hoạt động của Học sinh** |
| 1. **Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học. 2. **Luyện tập**    1. **BT 1** (Ghép âm thành vần) (làm việc lớp, lướt nhanh)  * GV đưa lên bảng mô hình ghép âm thành vần, chỉ cho cả lớp đọc từng chữ ớ cột dọc: **a, ă, â.** Sau đó chỉ từng chữ ở hàng ngang: **ng, c.** * GV chỉ từ, mời 1 HS ghép làm mẫu: **a + ng = ang / a + c = ac** * GV chỉ từng chữ cho cả lớp ghép âm thành vần:   a + ng = ang ă + ng = ăng â + ng = âng  a + c = ac ă + c=ă â + c = âc   * 1. **BT 2** (Tập đọc)  1. GV chỉ hình, giới thiệu bài đọc kể chuyện bác thợ săn gặp một con vượn mẹ đang cho con bú. Vượn mẹ ngẩng lên, nhìn bác. Điều gì sẽ xảy ra? 2. GV đọc mẫu. 3. Luyện đọc từ ngữ: **rút tên, ngắm, chợt, ngẩng lên, đờ ra, bỏ nghề săn bắn.** (HS nào không đọc được thì có thể đánh vần). GV giải nghĩa: *mặt đờ ra* (mặt ngây ra vì sợ hãi). 4. Luyện đọc câu  * GV: Bài có 8 câu. * HS (cá nhân, cả lớp) đọc vỡ từng câu. * Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  1. Thi đọc từng đoạn, cả bài (chia bài làm 2 đoạn đọc, mỗi đoạn 4 câu).   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV HD HS đọc từng ý a, b. / HS làm bài trong VBT hoặc viết ý đúng vào thẻ. * HS giơ thẻ. GV chốt lại: Ý b đúng *(Bác thợ săn bỏ đi vì - b) Chẳng nỡ giết mẹ con vượn).* Ý a sai. (Nếu HS cho là ý a đúng, GV cần giải thích: Bác thợ săn bỏ đi không phải vì vượn mẹ đã nhận ra bác mà vì bác không nỡ giết mẹ con vượn). * Cả lớp đọc: *Bác thợ săn bỏ đi vì - b) Chẳng nỡ giết mẹ con vượn.*   1. **BT 3** (Điền chữ *g* hay *gh,* tập chép) * GV viết bảng: *Vượn mẹ ...ặp bác thợ săn, ôm ...ì vượn con;* nêu YC. * HD HS đọc thầm câu văn; làm bài trong vở / VBT. * Yêu cầu HS điền *g, gh* trong câu trên bảng lớp. GV chốt đáp án: *gặp, ôm ghì.* * Cả lớp đọc câu văn đã hoàn chỉnh. * HS chép câu văn vào vở / hoặc VBT. * HS viết xong, soát lỗi, đổi bài, sửa lỗi cho nhau. / GV chữa bài cho HS.   3**/Củng cố, dặn dò:**  - Nhận xét tiết học.  - Dặn dò HS chuẩn bị bài sau | -HS lắng nghe  -HS thực hiện  -HS ghép âm thành vần  -HS lắng nghe  -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ  -HS luyện đọc câu  -HS thi đọc  -HS làm vào vở Bài tập  -HS đọc  -HS làm vào vở  -HS làm ở bảng  -HS làm vào vở BT  -HS soát lỗi |